

BÁT NHÃ NG LUN

Prajnā-pradīpa

Lun gi i Đền Bát Nhã

Thanh Bi n Bhāvaviveka

Trích d ch: Cao Dao

---o0o---

Ngu n:

<http://thuvienhoasen.org>

Chuy n sang ebook 18-01-2014

Ng i th c hi n : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio T i Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

M c L c

PH N I

- 1. PH NH T NGÃ (NH LÀM T TH NG NH T C A THÂN VÀ TÂM)**
- 2. PH NH THÂN, TÂM NH LÀ HAI TH C TH D BI T**
- 3. PHÊ PHÁN LU N CH NG V T NGÃ C A CÁCH C PHÁI KHÁC**
- 4. PH NH T NG QUAN C A NGÃ (ÀTMAN) VÀ NH NG GÌ THU C V NGÃ (ÀTMIYA-NGÃ S)**

PH N II

- 5. "CH TH " GI I THOÁT**
- 6. GI I THOÁT, NH LÀM T TR NG THÁI VÔ NGÃ**
- 7. THUY T GI NG C A TH TÔN**
- 8. TÍNH CHÂN TH C C A TH C T I (PHÁP TÍNH)**

PH N III

- 9. TRUNG QUÁN KHÔNG PHẢI LÀ HƯ VÔ LUẬN**
- 10. HAI B N TH CHÂN LÝ**
- 11. NH NGH A TH C T I T I H U_(param rthasatya)**
- 12. CHÂN LÝ QUI C VÀ M C NH C A TH GIAN (lokasa v tisatya)**

PH NI

1. PH NH T NGÃ¹ (NH LÀ M T TH NG NH T C A THÂN VÀ TÂM)

Tr c h t, chúng ta (nh ng ng i ng trên l p tr ng Trung Quán) phê phán các quan i m c a các h c phái khác, nh m m c ích nói lên quan i m chân xác c a mình r ng: T t c các *Tác vi c a nh n th c* (Hành)², nh là nh ng cái có th chuy n hóa-bi n i, u thi u v ng T Ngã và cái gì thu c v T Ngã. ây là tâm i m c a lu n ch ng, c vi t trong Ph m 18, Trung Lu n.

Có nhi u nh ki n cho r ng T Ngã t n t i, nh ng vì t t c nh ng nh ki n này u l y *N m i u Ki n Nh n Th c* (*Ng m*)³ làm i t ng lu n c c a h , vì v y chúng ta hãy b t u kh o sát t *N m i u Ki n Nh n Th c*. Th Tôn c ng ã nói: "Dù là ng i xu t gia, hay là bà la môn, khi mu n hi u rõ nh ng v n c a chính mình m t cách úng n, thì t t c u ph i suy xét m t cách chân xác t *N m i u Ki n Nh n Th c*".

Trong ó, u tiên là *B n Th c Th* (T i: t, N c, Gió, L a) là nh ng y u t c n b n hình thành nên hình t ng c a thân xác. Nh ng y u t này "*t p h p*" (skandha) l i thành các C N ng Nh n Tri (L c C n: M t, Tai, M i, L i, Thân th và Ý th c). Các c n ng nh n tri này, hay nói cách khác, các d ng th c c a tâm th c này, i v i m t s ng i thì là T Ngã. V i m này có nh ng quan ni m khác nhau c a nhi u h c phái, nên c n ph i thi t l p v n nh sau: *B n Th c th* và nh ng C n ng Nh n tri, ho c 1. T ng ph n riêng l hình thành t ng d ng th c riêng bi t c a tâm th c; ho c 2. Cùng *t p h p* chung l i thành m t th chung nh t, g i là Thân -Tâm?. Vì v y, n u cho r ng nh ng i u ki n Nh n th c y v n là T Ngã, hay nói nh Trung Lu n, "*n u T Ngã ng nh t v i nh ng i u ki n Nh n th c*", thì ph i ch ng chúng ta (nh ng ng i t m c u o pháp) ang suy ngh theo thói th ng c a th gian, r ng thay vì nói v "*i u ki n nh n th c*", thì ang chuy n sang nói v "cái Tôi"? Ho c gi không ph i nh th ?

H cho r ng: "Cho dù suy ngh theo cách nào i n a, m t khi ã th a nh n r ng T Ngã t n t i, thì ý ngh a mà chúng tôi mu n nói n ã thành hình rồi". Vì th , gi ây chúng ta hãy suy g m th , theo ch tr ng c a h :

"N u T Ngã ng nh t v i nh ng i u ki n Nh n Th c,
"Thì: Ngã là m t t n t i có Sinh Kh i và Ho i Di t" (TL18.1ab)

V y thì, nh ng i u ki n nh n th c y v n là cái gì có Sinh Kh i và Ho i Di t, t c là, nó c th hi n ra nh là cái có nh ng tính ch t c sinh ra r i m t i. Trong tr ng h p này, khi nói "cái có sinh có di t" là nói v i

tính cách *bi u tr ng*⁴, qua ó ch ãn c ra m t c tr ng: i u Ki n Nh n Th c là cái có Sinh-Di t, nh ng có th hi u ra c t t c nh ng t ng quan khác có cùng tính cách nh thê, nh t ng quan Nhân-Qu , quá trình tích l y t o tác (Nghĩ p), k t qu (Qu) và s g t hái (Báo)...Nh ng i m ngh lu n này c tóm l i trong c u trúc lu n lý⁵ nh sau:

a. M nh ch tr ng: T i m nhìn c a Th c T i t i h u, thì t b n th c th (t, n c, gió, l a), cho ãn nh ng c ãn ng nh n tri_nh là t p h p c a b n y u t y, cho ên tâm th c_nh là t p h p c a nh ng c ãn ng nh n tri, và c thân_nh là cái có nh ng c ãn ng c m giác, và c tâm_nh là cái có trong thân, u là nh ng gì không có t ngã.

b. Lu n c : B i vì chúng có sinh kh i và ho i di t.

c. T d : Ví d nh : nh ng th c th v t ch t (u là nh ng cái có sinh di t, nên không có t ngã)

Theo quan i m c a h c phái S lu n (Sàmkhya)⁶, n u thân xác là cái gì có nguyên do t Linh Ngã mà hình thành, thông qua nh ng y u t v t ch t, thì h n trong thân xác ph i t n t i Linh Ngã. Tuy nhiên, l i c ng theo quan i m c a h c phái S Lu n này, thì tính tùy bi n c a Linh Ngã_nh ãn c trong bình bi n ng theo hình d ng c a nó_là lu n c hi n nhiên cho tính Vô Ngã. Theo ó, n u h qui k t r ng trong thân xác t n t i Linh Ngã, thì chính h mâu thu n v i chính lu n ch ng c a h .

Ho c gi , "*N u T Ngã ng nh t v i nh ng i u ki n nh n th c (Ng m)*", trong ó, vì v n có nh ng i u ki n nh n th c (m t, tai, m i, l i, thân th , ý th c) v i nh ng ph ãn ng th c nh n tri khác nhau, v y "*Thì trong m t thân xác h n ph i có nhi u T Ngã khác nhau (t ng ng v i nh ng i u ki n nh n th c khác nhau)*".

H n th n a, "*N u T Ngã ng nh t v i nh ng i u ki n nh n th c, thì h n là nó c ng ph i có Sinh kh i và Ho i Di t*". Hai câu sau c a thì t ng này có th hi u là: N u th a nh n ti n cho r ng T Ngã ng nh t v i i u ki n t o tác, thì t t y u ph i i ãn k t lu n cho r ng "T Ngã có Sinh, Di t", i u này ph ãn nh chính ch tr ng ban u cho r ng "T Ngã là cái gì không Sinh, không Di t". Do ó, k a ra m nh c ãn b n cho ch tr ãn c a chính mình, l i r i vào ch chính mình ph n l i nó.

Ho c gi , trong cùng m t lu n c : "*N u T Ngã ng nh t v i nh ng i u ki n nh n th c, thì h n là nó c ng ph i có Sinh kh i và Ho i Di t*", mà n u ng i ph n lu n a ra ch tr ãn r ng: T Ngã là cái có Sinh, Di t; thì trong tr ãn h p này, chính ng i a ra m nh ch tr ãn y, l i r i vào ch t mình ph ãn nh n ý ngh a b n ch t c a m nh do chính mình ch tr ãn (T ãn mà có Sinh, Di t, thì không còn là "T Ngã" nh nó ãn nh ngh a là "cái th ãn h ng b t bi n" n a).

H n th n a, c ng cùng m t lu n c : "*N u T Ngã ng nh t v i nh ng i u ki n nh n th c, thì h n là nó c ng ph i có Sinh kh i và Ho i Di t*", mà n u ng i ph n lu n ch tr ãn không th a nh n T Ngã là cái có

Sinh, Di t, th nh ng chính ng i y l i không th a ra lu n c ch ng minh cho s t n t i c a cái "T Ngã không có tính Sinh, Di t" y c. Nh ng m t khác, chúng ta l i có th a ra lu n c ch ng minh r ng: "T i m nhìn c a Th c T i t i h u, thì T Ngã không t n t i, vì nó v n là cái không có Sinh, Di t. Nh ng cái gì v n không có Sinh, Di t, nh lông rùa s ng th , u v n không t n t i".

V l i, "N u T Ngã ng nh t v i nh ng i u ki n nh n th c, thì h n là nó c ng ph i có Sinh kh i và Ho i Di t", t hai m nh có tính bi u tr ng này, còn có nghi m suy ra r t nhi u ý ngh a còn hàm n trong ó. Nh : "T i m nhìn c a Th c T i t i h u, thì N m i u Ki n Nh n Th c (1 Tính ch t c a s v t (S c), 2 Th c m (Th), 3 Khái ni m, Bi u t ng c a Nh n th c (T ng), 4 Tác vi c a Tâm th c (Hành), 5 Th c Bi t (Th c) u không ph i là T Ngã, vì chúng là nh ng i u ki n v n có Sinh Kh i và Ho i Di t, ví nh cái b u ch a n c v y". H n n a chu i m c xích Nhân-Qu c ng là cái gì không Th ng H ng B t Bi n (Vô Th ng), có khi nó t o ra vui thú, có khi t o ra phi n nã, có khi t o ra nh ng nh n th c sai l m, r i t o ra nh ng hoài nghi ti p n i... Và còn có th nghi m suy ra muôn vàn ý ngh a khác n a ...

---o0o---

2. PH NH THÂN, TÂM NH LÀ HAI TH C TH D BI T

H c phái Th ng Lu n (Vainshesika)⁷ ch tr ng r ng: T Ngã t n t i v i nhi u th c th khác nhau, trong ó thân xác và i u ki n Nh n th c là nh ng cái d bi t, có th c th c m xúc, có th c th nh là ch th c a nh n th c và hành vi, là cái gì th ng h ng, là cái gì có biên t i, và t t c nh ng cái y u không ph i là Tâm.

H n n a, h c phái này cho r ng: Linh Ngã -*Purusa* là Nguyên Nhân u Tiên c a v n h u, k t qu sinh ra là thiên hình v n tr ng nh ng cái cá bi t. Tuy Linh Ngã không ph i là ch th (c a nh n th c và hành vi), nh ng nó th h ng nh ng k t qu (c a chúng), là cái gì v n thanh t nh, không có gi i h n, không bi n i và là cái gì có tính minh tu .

Nh ng ng i ch tr ng r ng Ngã -*Purusa* là Nguyên nhân kh i u cho t t c m i hi n t ng (h c phái Vedanda) thì c ng nh v y, h cho r ng Ngã và i u ki n Nh n th c là hai th c th cá bi t.

Nh ng ng i l p lu n nh th thì ph n bác r ng lu n ch ng ph nh T Ngã trên (hai m nh u c a thi t ng 1) không có hi u qu i v i h . Vì v y, Lu n s (Long Th) ã a ra lu n ch ng cho r ng Ngã và i u ki n Nh n th c không th t n t i nh hai th c th cá bi t, nh sau (thi t ng 1, hai m nh sau):

"*N u Ngã là m t cái d bi t v i i u ki n Nh n th c,*
Thì: Ngã là cái gì phi- i u ki n Nh n th c". (TL18.1cd)

Trong ó, ph c h p ng "phi- i u-ki n-Nh n-th c" (phi-Ng m t ng) kh ng nh r ng i u ki n Nh n th c kh ng ph i là c tr ng c a Ngã và t chúng kh ng có tính c tr ng (nh là thu c tính c a m t ch th). T c là: T Ngã t nó kh ng có t ng quan v i: 1 Tính ch t c a s v t (S c), 2 Th c m (Th), 3 Khái ni m, Bi u t ng c a Nh n th c, 4 Tác vi c a Tâm th c, 5 Th c Bi t. Vì v y, i m ng nh n c n b n cho r ng T Ngã nh là cái gì có T tính, mà nó l i kh ng có nh ng tính ch t c a i u ki n Nh n th c, thì nó c ng kh ng th có nh ng tính ch t nào khác c n a. i u này đ n n k t lu n (m c nhiên) r ng: cái T tính ó v n kh ng t n t i và do ó chính b n thân T Ngã, c ng kh ng t n t i. Lu n ch ng này a ra hai y u t lu n lý: 1_ *S Ch ng* (thu c tính có th lu n ch ng c: ây kh ng t n t i), và 2_ *N ng ch ng* (lu n c ch ng minh: "ngoài i u ki n Nh n th c"), là hai y u t hi n nhiên mà ng i ph n lu n và ng i lu n ch ng u ph i th a nh n. Ví d nh : a con (S ch ng) c a Th ch n 7 (N ng ch ng). Có th th y c u trúc lu n lý nh th trong:

a. M nh ch tr ng: T i m nhìn c a Th c T i t i h u, thì cái T Ngã bi t l p v i nh ng y u t v t ch t (Thân) và y u t Nh n th c (Tâm), v n kh ng t n t i.

b. Lu n c : B i vì r ng nh ng y u t v t ch t (Thân) và nh ng y u t thu c Nh n th c (Tâm) v n u kh ng có t tính.

c. D T d : Gi ng nh a con c a th ch n v y (là cái thu c v t ng t ng, v n kh ng t n t i, kh ng có nh ng y u t v t ch t hay nh n th c).

Nh ng ng i ph n lu n có th s cho r ng: Nh th thì Ni t Bàn, cái c xem nh là kh ng có (hay kh ng tùy thu c) nh ng tính cách c a v t ch t và c a tâm th c, mà v n c cho là t n t i, vì v y, lu n c trên kh ng th đ n n k t lu n là "T ngã kh ng t n t i" c. Tuy nhiên, khi nói r ng:

"*Nh ng cái gì kh ng có tính ch t c a nó,*
Thì b t k âu c ng kh ng t n t i". (TL5.2ab)

thì l p tr ng c a Trung Quán c ng ph nh Ni t Bàn nh là cái gì tuy t nhiên vô tính (nh h kh ng hay o n di t c a C c oan lu n). Vì th , trong lu n ch ng trên, đ t d nêu lên tính cách kh ng t n t i c a nh ng gì kh ng có tính ch t, kh ng ph i là kh ng th đ n n k t lu n nh t nh.

Có l nh ng ng i ph n lu n ch ng s cho r ng: Lu n ch ng nói trên (TL5.2 và nh ng lu n ch ng khác c a Trung Lu n do Long Th vi t u) kh ng ch nh b vì kh ng thi t nh c u trúc lu n lý đ ng hoàn ch nh c a suy lu n th c g m m nh ch tr ng và các chi ph n (theo mô hình lu n lý c a Tr n Na, ã thành m t c s phán oán lu n lý), nên nó vi ph m vào nh ng sai l m trong vi c b t ch nh b nh ng y u t lu n lý c b n. Tuy nhiên, ó là nh ng gì i minh (artha-vàda) nên kh ng ph m vào sai l m lu n

lý. T c là, l p ngôn c a lu n s (Long Th) là *minh gi i*, ch không ph i là *minh ch ng*. Trong ó, n i dung thâm vi n c bao hàm trong cách bi u hi n gi n khi t, là nh ng gì có th xem là *c n c* cho nhi u suy lu n th c. N u cho ó là nh ng suy lu n th c, ch trích là chúng sai l m, thì s ch trích này không úng ch . H n th n a, cho dù có xem ó là nh ng suy lu n th c i n a, thì nh ng m nh c n thi t khác (cho m t suy lu n th c hoàn ch nh) v n không c ngôn bi u ó, nh ng có th th y ây ó y d y trong Lu n th và các kinh i n.

Có nh ng ng i (thu c h c phái Th ng Lu n) ph n i r ng: Ph ng h ng (là m t th c th , c ng nh T ngã)⁸ là cái gì v n t nó có tính th ng h ng, nh ng b i nó c nh n th c hay không c nh n th c mà có tính sinh kh i và ho i di t. Vì v y, không th theo nh trên mà a ra lu n c "vì chúng có sinh di t" hay "chúng ng nh t v i i u ki n nh n th c", d n n k t lu n "chúng không ph i là T ngã" và "chúng không t n t i" c.

Tuy nhiên, (ti n c a) h c phái Th ng Lu n không úng. N u quan ni m nh h r ng "T ngã là cái gì không có nh ng tính ch t c tr ng c a thân xác và tâm th c (v n là nh ng i u ki n nh n th c, Ng m)", thì "T ngã" theo quan ni m c a h nh là "cái không có tính ch t" y, c ng v n c là i t ng ã b ph nh: "*Nh ng cái gì không có tính ch t c a nó, thì b t k âu c ng không t n t i*" (TL5.ab). (Mà n u cho T ngã là cái gì th ng h ng, không có gi i h n nh h quan ni m, thì t n t i c a nó b ph nh b i nh ng suy lu n th c nh sau:)

Suy lu n th c 1:

a. M nh ch tr ng: Cái gì th ng h ng, không có gi i h n, thì không ph i là cái có th làm c s cho nh ng i u ki n nh n th c c.

b. Lu n c : B i vì nh ng i u ki n u là nh ng cái v n có sinh kh i và ho i di t.

c. T d : Nh ng tính ch t c a v t ch t (S c).

Và suy lu n th c 2:

a. M nh ch tr ng: T Ngã không ph i là cái gì không có gi i h n.

b. Lu n c : B i vì, nó là m t th c th riêng bi t (cá th).

c. T d : nh cái bình này.

Ng i ta có th ph n lu n l i r ng: lu n c c a suy lu n th c 2 nói trên, n u t vào tr ng h p c a h không nh là m t th c th ("cái h không này") v n không có gi i h n, thì không th nào d n n k t lu n r ng "nó không là cái gì không có gi i h n" c. Tuy nhiên chúng ta ph nh r ng h không không ph i là m t th c th , và tính không có gi i h n c a nó c ng luôn th b ph nh, c ng nh tr ng h p c a T ngã. Nh th không ph m vào l i là không qui k t c.

V l i:

a. M nh ch tr ng: T ngã không ph i là ch th c a nh ng i u ki n nh n th c (tính ch t c a v t ch t, c m th c a giác quan, bi u t ng v s v t, tác vi c a tâm th c và th c bi t).

b. Lu n c : B i vì nó không có t th (hay t tính, cái làm cho nó là nó)⁹.

c. T d : nh tích l y c a nh ng t o tác (Nghĩ p).

i u này c ng có th d n n qui k t c a suy lu n th c 2 trên: a. T ngã không ph i là cái gì không có gì i h n, b. b i vì nó là m t th c th riêng bi t, c. nh cái bình này.

ng d ng th c lý lu n nh th , c ng có th s d ng i t ng c a nh n th c, i t ng c a ngôn ng , t n t i c a s v t nh là lu n c : a. T ngã không ph i là cái gì không có nhân t t o tác ra, b. b i vì nó là cái gì ang t n t i, c. nh cái bình này. C ng nh th n u s d ng lu n c nh là i t ng c a nh n th c, i t ng c a ngôn ng ...

C ng gi ng nh tr ng h p c a h c phái Th ng Lu n, i v i quan ni m c a h c phái S Lu n cho r ng: "Linh Ngã không ph i là ch th c a nh n th c và hành vi, ó là m t t n t i th ng h ng và bàng quan v i nh ng cái nh th ", v y thì:

a. M nh ch tr ng: T i m nhìn c a Th c T i t i h u, thì T ngã không có nh ng tính cách c a Linh Ngã, c ng không ph i là cái gì th ng h ng và không có gì i h n, c ng không ph i là cái gì không có nguyên nhân.

b. Lu n c : B i vì nó là cái gì ang t n t i. V l i, nó là cái gì ôi khi em l i cái bi t úng n, ôi khi em l i cái bi t nh m l n, ôi khi em l i nh ng nh ng hoài nghi. V l i, nó là cái gì ôi khi em l i ni m vui, ôi khi em l i s u bi.

c. T d : Nh cái tr (m t s v t t n t i, ng i ta c ng có khi bi t v nó úng, có khi bi t v nó sai, có khi hoài nghi nó và có khi nó em l i ni m vui c ng có khi em l i n i bu n).

V l i, có nhi u ng i cho r ng: L p tr ng c a Trung Quán không th a nh n T ngã nh là m t th c t i mà ngôn ng nói n¹⁰, vì v y t t c nh ng i u h lu n v tính ch t c thù c a T ngã u không chính xác. Vì i u ó c ng gi ng h t nh lu n v "màu tr ng hay màu xanh c a a con c a th ch n " (v n không t n t i).

Tuy nhiên, ch trích này không úng. Cái T ngã mà chúng ta ang nói n trong ý ngh a là ch th th nh n nh ng sinh di t ti p n i nhau mà t n t i. Trong ý ngh a này thì "Tâm Th c" là i t ng mà chúng ta ang gi thi t là "T Ngã" trên bình di n ngôn ng , và cái g i là "T Ngã" y ch ng là cái gì khác h n "Tâm Th c" c . Th Tôn c ng thuy t gi ng v i ngôn ng nh th :

"Chính chúng ta phải là chính thức của "chính mình" (ātman, t'ngã)¹¹, còn một chính thức nào khác hay sao? Nếu có trí tuệ đúng chính mình (ātman), thì mình nên cảm nhận vui của cõi trời". (kinh Pháp Cú)
Với cùng ý nghĩa của ngôn ngữ ("chính mình" -ātman-t'ngã) như thế, chúng ta vẫn đang sống theo thói quen của thế tục, thì anh nhận cái mà một cách phổ quát của thế anh, và phải nhận cái gì không thể thế anh. Cái (T'ngã_cái "chính mình") mà chúng ta đang luận chứng, không có lỗi lầm.

Hơn nữa, chúng có cách khác luận chứng (cùng một ý về suy luận thế tục trên mà không phải như "T'Ngã" như đã trích):

a. Mình chứng minh: Thân xác, như là cái cảm giác nhận biết của cảm giác, không thể là cái có thể làm nhân tố tác nên nhận thức, một "cái gì thế này và vô hạn" (như là "Linh Ngã" mà phải phải quan niệm) được.

b. Luận cứ: Bởi vì thân xác chúng ta là một cái gì có thể tri giác được.

c. Trả lời: Như cái bình.

Cùng ý nghĩa như thế, chúng có thể sống luận cứ khác, ngoài "cái có thể tri giác được".

Với ý này, như ngữ nghĩa chứng minh có T'ngã có thể phân luận rằng: "Nếu ngữ nghĩa của nhận thức có thể thông qua cảm giác và thân xác không phải là T'ngã" (theo quan niệm của Trung Quán), vậy thì T'ngã, nó là cái gì? Nếu cho rằng chứng minh rằng T'Ngã hoàn toàn không tồn tại trong nhận thức như thế, thì sẽ không có thể cái gì có thể làm thể diện của luận cứ. Thế là, ngay cả "cái bình" (mà luận chứng của Trung Quán lý làm thể diện của cái không có T'ngã), thế ra trong một cách nào đó, chúng tồn tại T'Ngã¹². Hơn nữa, theo như chứng minh trên, thì cho dù thân xác là một cái gì không thể tri giác được, thì chúng không thể có thể nào có thể minh chứng cho ý này, vì rằng cái bình hiện tại thì chúng là thể diện của tri giác. Và hơn nữa, nếu cho rằng thân xác không phải là nhân tố tác nên nhận thức, thì chúng không thể nào tìm ra được một cái gì làm thể diện minh chứng được. Bởi vì, ngay chính cái bình, chúng có thể là nhân tố tác nên nhận thức (theo quan niệm của như ngữ nghĩa cho rằng Linh Ngã tồn tại).

Trong lý luận này, chúng xác định như là mình chứng minh chúng ta đã ra về ý nghĩa rằng: Thân xác và các cảm nhận của cảm giác của nó không thể là cảm nhận nguyên cho nhận thức của T'ngã được. Ý này không có ý nghĩa nhận thức như là "không phải là cảm nhận nguyên của nhận thức", hay như là "không phải là cảm nhận nguyên nhận thức của một cái gì ngoài T'ngã". Như chứng minh nói trên không thể phân luận hay phê phán chứng minh ý được.

Theo đó, ngữ nghĩa tìm kiếm lý có thể trả về chính mình như ngữ văn nhận sau: *Cái mà theo quan niệm của thế gian cho là T'ngã, là cái gì? Cái đó, nói cho cùng có phải là cái có như ngữ tính chất của nhận thức như nhận thức hay không? Hơn nữa, như ngữ nghĩa của thân xác và tâm thế tục tồn tại*

ng nh t hay bi t l p v i nhau? Trong ó, tr c h t là tra v n: Nh ng y u t c a thân xác và tâm th c t n t i ông nh t hay bi t l p nhau? N u T ngã ng nh t v i nh ng i u ki n c a nh n th c, thì nó t t nhiên l thu c vào nh ng i u ki n sinh di t. Và nh th , vì nh ng y u t c a thân xác và tâm th c ng ph i sinh di t nh cái bình, nên chúng u không ph i là T ngã. Ng c l i i u này, n u T ngã là cái gì t n t i bi t l p v i nh ng i u ki n nh n th c, nh là nh ng y u t c a thân xác và tâm th c, thì nh ng i u ki n này u là nh ng cái không có t tính. C ng nh hoa m gi a không trung (ví d c a nh ng cái gì không t n t i), nh ng i u ki n nh n th c không có t tính y, v n không t n t i. C ng gi ng nh v y khi thay th b ng lu n c r ng T ngã là cái gì không nguyên nhân, nên nó c ng không t n t i.

---o0o---

3. PHÊ PHÁN LU N CH NG V T NGÃ C A CÁC H C PHÁI KHÁC

Nh ng ng i quan ni m T ngã t n t i (c a h c phái Th ng Lu n và h c phái Chính Lý) l p lu n nh th này:

T ngã h n nhiên t n t i (ch tr ng),

Vì nó là ch th c a nh n th c (lu n c),

T c là, n u trong thân xác không t n t i T ngã, thì gi ng nh cái c a s , ch t n t i nh ng c n ng c m giác mà không h có c nh n th c v nh ng i t ng bên ngoài (ng t d). M t khác, T ngã, nh là cái gì t n t i d bi t v i nh ng c n ng c m giác, nên nó có th nh n th c c nh ng i t ng bên ngoài (d t d).

Cái ch th c a nh n th c y, không là cái gì khác h n T ngã (liên k t lu n lý).

Vì v y, T ngã h n ph i t n t i (qui k t)¹³.

Tuy nhiên, l p lu n này không chu n xác. ây là l p lu n c a h c phái Th ng Lu n và Niyaya, ch không ph i là c a chúng ta (Trung Quán). gi a m nh ch tr ng c a suy lu n th c này "T ngã h n nhiên t n t i" và lu n c "vì nó là ch th c a nh n th c" trong ó t ng quan t t nhiên gi a T ngã và thân xác ch a c minh ch ng. N u nh i m nh ch tru ng l i thành "Trong thân xác có ch a T ngã", thì có th né tránh c sai l m c a lu n c .

H c phái Chính Lý cho r ng: "Cái mà m t ph i nhìn th y, thì m t trái tái nh n", hay là: "Nh ng gì kinh nghi m c thì c ký c l u gi l i", hay là: "Quá trình tích l y nh ng t o tác (Nghĩ p) c ghi nh n l i trong k t qu g t hái (Báo)", nh là c n c minh ch ng cho s t n t i ch th nh n

thực thể này, là T ngã, thì đã có chúng ta phê phán như trên (1. và 2.) rồi. Xa hơn nữa, những người trí thức (cả hai phái Thiền Luận) cho rằng:

Luận chương A:

"Khi thông qua thân xác gì là "cái tôi-T ngã" (Àtman), thì tên gọi "T ngã" này áp dụng vì mặt đối tượng trên thực tế không phải là thân xác." (Mệnh chỉ rõ ràng)

"Vì nó đang gì thì tất yếu khác đang tồn tại" (Luận cứ)

"Ví dụ như: Giả thuyết rằng các trẻ em bà-la-môn là những con số, thì từ "những con số" là những tồn tại khác (ví dụ "những trẻ em bà-la-môn"), vì râu và bím tóc chính xác thì nó cũng xem như là những cái thực sự kinh nghiệm được". (T đ)

"Tên gọi "T ngã" cũng gì như thế, tuy là cái gì thì tất yếu cho thân xác và những cảm giác và nói chung là những thực thể, những đó là cái gì thì tất yếu dựa trên các thực thể, là mặt tồn tại khác (ví dụ thân xác, cảm giác, những thực thể...) áp dụng vì thực thể đó, đó chính là T ngã thì nó. (Liên kết luận lý)

"Vì vậy, T ngã là mặt cái gì thì nó (ch không phải là gì thì) tồn tại. (Quy kết)

Hoặc gì, hãy lập luận như thế này:

Luận chương B:

"Những trí thức mà chúng ta có thể biết về T ngã, là những trí thức có thể biết về mặt đối tượng thực sự tồn tại". (Mệnh chỉ rõ ràng)

"Bởi vì rằng: Những cái khác nó thì chúng ta biết là không phải nó" (Luận cứ)

"Ví dụ như: Cái biết phân biệt về mặt người và mặt vật cây. (T đ)

"Cũng gì như thế: Chúng ta có thể phân biệt những trí thức mà con người ta có thể biết về T ngã (nh là nguyên nhân của sự hình thành những thực thể, như, gió, lửa, thành ra kết quả là thân xác và tâm thức), vì những cái biết sai lầm về T ngã. Theo đó cái mà chúng ta có thể biết về T Ngã là trí thức áp dụng vì mặt cái gì thì thực sự tồn tại. (Liên kết luận lý)

"Vì vậy, T ngã thực sự tồn tại". (Quy kết)

Để biết những luận chương này, chúng ta (Trung Quán) trở lại rằng: Nếu dựa trên các những thuyết cả hai phái này, thì vẫn không thể xác định được tính (nh là bản chất) của T ngã, mà ngược lại theo cách hiểu thông thường của thế gian, trong một ý nghĩa chung, chỉ rằng rằng T ngã (àtman) tồn tại như là cái "chính mình", cái "tôi", thì nó cũng chính là chính mình của người khác, ngoài những gì người ta ai cũng biết rồi. Không kết luận rằng trong kinh điển "Àtman" trong ý nghĩa như là mặt

tâm thức chân thức vốn có, thì ngoài ra chỉ là những trạng huống phức tạp giả thuyết, hay phỏng đoán có tính cách cá nhân. Vì vậy chúng ta khác gì như nói những bộ phận của cái xe hơi thì cho là cái xe, những yếu tố của thân và tâm hơi thì cho là một cái gì hữu tình hữu lý, là *chân*. Vì vậy, trong ý nghĩa rộng tâm thức là một cái gì có thể tái sinh khi liên tục và tồn tại, thì nó cũng gọi cái "chính mình", cái "tôi" (àtman) trong ý nghĩa thông thường của khái niệm này (và vì ý nghĩa thông thường thì chúng ta cũng không cần gì phải phân biệt).

Tuy nhiên, nếu cho rằng: Tâm thức là chính là cái mà ngôn ngữ nói đến (*pardārtha*) như là "T ngã", thì cũng phải biết rằng: T ngã không phải là một thực thể mà tri thức có thể "biết" được. Bởi vì rằng: "Nó" (cái thực thể của tâm thức và "ch thức" của nhận thức), một mặt thì xem như là cái gì do nhân tạo tác và vì vậy khi nhân tạo tác mà hình thành cũng giống như thân xác, một mặt khác. Nó là một quan niệm như là một thực thể thì những người bất tín và không có gì khác (như là "T ngã"). Trong trạng huống này, cho dù người nào cũng có quan niệm như thế nào đi nữa, dù cho tâm thức là *cái* mà khái niệm ngôn ngữ nói đến như là "T ngã" đi nữa, thì việc chỉ định rằng T ngã không phải là một thực thể có thể tri thức được, cũng chẳng khác gì như là chứng minh cho một việc mà ai cũng đã biết rồi. Còn chúng ta thì trong bất kỳ trạng huống nào, cũng phải phân biệt những kiến giải cho rằng T ngã tồn tại.

Vì vậy, nếu chúng ta theo như thói thường mặc nhiên công nhận của thế gian, thì luận chúng ta trên (của người nào) cũng không chính xác. Bởi vì rằng, cả ngôn ngữ và giả thiết, và cả luận (đó ("T ngã tồn tại"), mà hai cách phân biệt và các cách khác công nhận là thật đáng, thì khi mà vì vậy thì, hai cách luận mặc nhiên công nhận theo thói thường của thế gian, (tuy nhiên, trong một số những trường hợp, suy luận thực trên của hai thí dụ mà tôi đã nêu ra thì, là xác định tâm thức như là một thực thể bất biến).

Nếu nhìn từ một nhìn chân thật thì hiểu, thì khái niệm "T ngã" của ngôn ngữ không áp dụng về cái mà nó nói đến trong thực tế (như là "T ngã tồn tại"). Ngay cả khái niệm "sự" cũng nêu ra trong tác phẩm của luận chúng ta, về tính cách là *khái niệm thực thể của ngôn ngữ*, và về tính cách như là *giả thiết* thì không phải là *cái thực thể của sự tồn tại* (con sự trong thực tế), nên chúng ta có thể là một phỏng đoán. Theo đó, ngay cả khái niệm ngôn ngữ về "con sự", cũng thế nó không nói lên tính chân thực của thực thể mà nó đang nói đến. Nói một cách khác chúng ta xác định:

a. Một mặt thì chúng ta biết rằng: về việc mà khái niệm ngôn ngữ giả thiết về một thực thể, thì phải hiểu rằng nó không phải là một thực thể mà nó nói đến.

b. Luận: Bởi vì, nó đang giả thiết về thực thể của cái đó.

c. Tác phẩm: Như khái niệm về "con sự".

Như vậy, thì có thể phân biệt luôn cả khái niệm về "T ngã" (theo như quan niệm là một cái gì "tồn tại bất biến" về thân xác và những người

ki n nh n th c). Theo ó, m nh ê ch tr ng suy lu n th c A c a h ã gi thi t "T ngã" nh là m t th c th bi t l p không ph i là thân xác, ng th i c ng bao hàm ý ngh a c a lu n c : ó là gi thi t v m t t ng th (c a m t cái và c a m t cái khác không ph i là nó), v y thì, ch tr ng m nh này t ph nh b i tính cách mâu thu n gi a nhân t ng lo i (Pháp sai bi t t ng d nhân).

i v i m nh ch tr ng c a suy lu n th c B c a h , thì chúng ta c ng có th phê phán nh suy lu n th c A.

Nh ng ng i c a h c phái S Lu n thì l p lu n nh sau:

"Linh ngã là b n ch t tinh y u c a cá nhân, và là cái mà t t c m i ng i i u có th th a nh n. Chúng ta không ph i lu n bàn gì thêm v s t n t i c a nó n a, mà t t h n là ch nên lu n bàn v tính cách th nh n nh ng c tính c a nó". Có l nh ng tín Ph t giáo s ph n lu n l i r ng: "Cái g i là Linh ngã c ng ch ng d ng v i tâm th c và tâm th c thì c ng ch là tri n ng (buddhi). Theo ó thì không th nói Linh ngã là cái gì tinh y u nh là b n ch t c a con ng i i c". Tuy nhiên, i u này không c (h c phái S Lu n) ng ý, v i lý do:

"Tri n ng không ph i là Linh ngã. (m nh ch tr ng)

B i vì, ó là cái gì có sinh kh i. (lu n c)

C ng gi ng nh cái bình". (t d)

C ng gi ng nh th , ng thô có th thanh l c nh ng ch t t p nhi m tr thành cái h u ích c s d ng (v i công n ng tính và th c d ng tính), tri tính con ng i không ph i là Linh ngã, b n ch t tinh y u c a con ng i. Nhìn t góc c a l p lu n này thì Linh ngã (mà h quan ni m) không ph thu c vào trong thân xác, là i t ng th nh n c a nó, mà là ch th c a v t th nh n (thân xác). Chính xác h n thì trong ý ngh a này, "Linh ngã" ng ng ngh a v i "T ngã", là cái tri giác c thân xác; và c ng theo quan ni m c a h , thì nó th ng h ng, không có gi i h n, và bàng quan i v i nh ng gì ang di n ra c a thân xác nh là m t t n t i bi t l p.

V v n này thì ã có lu n ch ng ph nh v tính cách Linh ngã c a T ngã, tính th ng h ng vô h n c a nó, tính th nh n...(nh ph n l và 2). Còn sót l i v n : Tri n ng không ph i là Linh Ngã_ i u này có ý ngh a nh th nào? R ng tri n ng (buddhi) t nó có, hay không có tri tính? Ho c gi , tri n ng c ng ch là m t kh n ng nào ó c a Linh ngã (i u mà các tín Ph t giáo ã ph n i)? H c phái S Lu n mu n cho r ng trí n ng v n là cái chân tri (cetanà) c a Linh ngã (m t cái "bi t" minh m n, ngoài nh ng i u ki n th c m c a giác quan và thân xác). Tuy nhiên, khi cho r ng cái chân tri y là m t cái gì bi t l p, thì cái th c th bi t l p y ch a c ch ng minh. Nh v y, b i vì cái mà h quan ni m nh là "chân tri" thu c v Linh ngã là cái ch a c minh ch ng, nên ch t c a m nh ch tr ng mà h a ra b ph m vào l i sai l m, là không có c n c lu n ch ng ("S Y B t Thành", àsrayàsiddhi).

Vì lý luận "Bì vì ó là cái gì có sinh kh i" có ý nghĩa như thế nào? Nếu là ý nghĩa "sinh ra tất cả không tất cả thành ra tất cả", thì lý luận mà học phái S Lu n a ra ph n l i chính c s h c thuy t c a h (d a trên Nhân-trung-h u-Qu lu n, r ng trong v n h u có t i m t i nguyên nhân t i s -prakrti và nó ng hi n ra trong m i t n t i). Tuy nhiên h c có th ph n bác nh sau:

"Cho dù r ng không thành l p c c n c cho lu n ch ng, thì c ng v n có th nói lên ý nghĩa mu n nói c a mình (Ch tr ng). Bì vì, c n c ó có th hình thành trong t ng quan i l p v i các h c thuy t khác (Lu n c). C ng gì ng nh c n c c a lu n ch ng hình thành trong t ng quan i l p c a ng i l p lu n và ng i i lu n (T d)".

Tuy nhiên, chúng ta c ng có th a ra lý lu n ng c l i: Nếu ch có th a ra c n c c a lu n ch ng thông qua t ng quan i l p v i ng i i lu n, thì không th minh ch ng c cho n i dung c a cái mà mình mu n ch ng minh (Ch tr ng). Bì vì, c ng có tr ng h p ý nghĩa c a ng i l p lu n không hình thành c (Lu n c). C ng gì ng nh tr ng h p ý nghĩa c a ng i i lu n không thành l p c (thì lu n c hình thành t cái không th thành l p c y, c ng không h u hi u) (T d). B i l y, i u mà h l p lu n, "tri n ng không ph i là Linh ngã", b lo i b nh là m t suy lý không i u ki n lu n lý. Theo ó, i u mà chúng ta phê phán là nó không có c n c lu n ch ng, v n th a áng.

Ng c l i, n u ý nghĩa c a lu n c "Bì vì ó là cái gì có sinh kh i" có ý nghĩa như là "s chuy n bi n ng hi n (qua t ng tác c a Linh ngã và nh ng nguyên nhân t i s -prakrti, theo quan ni m c a S lu n)", thì lý lu n v s chuy n bi n-vyakti, c ng ã b ph nh, nên lu n c không thành l p c. H n n a, t d (cái bình) c a ra th c ch ng cho lu n c (là cái có sinh kh i, chuy n bi n ng hi n) thì không có tính cách ó.

"Nh ng ng i không rành lu n lý" (theo cách t g i m t cách khiêm cung và t ng y trang c a tr ng phái lu n lý h c Chính Lý, chuyên v lý lu n) thì cho r ng: "N m i u ki n nh n th c (tính ch t c a v t ch t, c m th c a giác quan, bi u t ng v s v t, tác vi c a tâm th c và th c bi t), và thân xác v i nh ng c n ng c m giác c a nó, không ph i là nguyên nhân khi n cho T ngã nh n th c c. Và l p tr ng c a Trung Quán vì ngay t u không th a nh n s t n t i c a T ngã, nên c ng không th thành l p c lu n ch ng ti p theo liên quan n nh ng thu c tính c a nó. Vì v y, nh ng ng i theo l p tr ng Trung Quán, v n có ch ý v i T ngã, h không mu n th a nh n nh ng gì trái v i ch tr ng Vô Ngã c a h".

Vì m này, thì chúng ta (v i l p tr ng c a Trung Quán), c ng ã trình bày nh ph n trên, r ng: Vì các h c phái khác th a nh n theo thói th ng c a th gian v Àtman-cái "chính mình", cái "tôi" nh là "T ngã". D a trên c s ó, h c ng ng nh n và gán cho nó nh ng thu c tính nh là: "th ng h ng", "không có gi i h n", "là ch th c a hành vì và nh n th c",

"là ch th th nh n nh ng xúc c m, nh ng thành qu (Báo) c a quá trình t o tác (Nghĩ p)"...Và l p tr ng Trung quán chúng ta ph nh tính cách ng nh n (V ng T ng) này. Trong th gi i quan mà con ng i th gian quan ni m, thì cái "tôi"-T ngã m c nhiên c th a nh n nh là cái gì có tính ch t c th và hình t ng h n hoi, nh ng n u nhìn t i m nhìn c a Th c T i t i h u, thì cái "T ngã" y v n không t n t i, và c nh ng tính ch t t ng i c a v n h u trong t ng quan t ng tác c ng không t n t i. Theo ó thì l p tr ng Trung Quán ph nh t t c m i thu c tính mà theo thói th ng c a th gian ng nh n và gán cho cái "tôi"-T ngã, trên c s l y Th c T i t i h u làm chu n c . i u này không có ngh a là Tru ng Quán ch tr ng Vô Ngã (nh là m t nh thuy t v ngu ng c c a t n t i) hay i u gì nh th c . Vì th , s công kích trên ch là công kích vào kho ng không (ch Trung Quán không h ch tr ng).

Nh ng ng i ph n lu n có th cho r ng:

"T ngã h n ph i t n t i, (m nh ch tr ng)

B i vì, ch có th ph nh nó m t ch nào ó thôi, (lu n c)

Ví d nh ph nh: cái gì ng này không có n c, thì ch có th ph nh là không có n c trong cái gì ng này, nh ng có th bi t c n c t n t i nh ng n i khác" (t d).

C ng gi ng nh th , khi ph nh T ngã không t n t i thân xác và nh ng c n ng c m giác, và nh n th c, thì ch có th ph nh nh ng ch ó, ngoài nh ng ch y ra thì T ngã v n t n t i, (liên k t lu n lý)

Vì v y, T ngã h n ph i t n t i". (qui k t)

áp l i i u này: V nh ng c quan c m giác c a con ng i, thì cho dù có ph nh r ng Ch Th Sáng T o ra chúng nh th n T T i Thiên t i cao c a các v th n không t n t i, hay ph nh nguyên nhân t i s -prakrti c a chúng không t n t i, hay ph nh t t c nh ng i lo i nh th u không t n t i, i ch ng n a, thì c ng không có ngh a là "nh ng ch khác" nào ó, nh ng c quan c m giác y t n t i. Vì v y, lu n c "t n t i nh ng ch khác" này không th d n n k t lu n c. H n th n a, nhìn cho r t ráo v n , thì c ng không có ngh a là "cái gì khác v i n c c ng t n t i" (nh b n ch t c a v n gi thi t: "T ngã t n t i nh là cái gì khác v i thân xác"), nên c t d th c ch ng c ng không thành l p c. Tóm l i, ây không ph i là m t lu n ch ng úng n.

V l i, có ngu i trong h c phái S Lu n ch trích lu n ch ng ph nh T ngã c a chúng ta, r ng: "C ng gi ng nh cái tr , không th là nhân t t o tác nên nh n th c; thân xác v i nh ng c n ng c m giác c ng không th là nhân t t o tác nên nh n th c c a T ngã", nh sau:

"Nh ng hành gi phái Du già (Yoga) có th chuy n tâm th c c a mình vào thân xác c a ng i khác, khi h t p luy n n m c có th không tri giác thân xác c a mình, thì h c ng có th chuy n tâm th c sang m t thân xác khác, khi thân xác này bi n ho i. i v i nh ng hành gi có th chuy n

d ch thân xác (nh ì m t cái bình) nh th , thì m t cái bình hay nh ng gì có th bi n ho i nh thân xác, c ng có th làm nhân t t o tác nên nh n th c (c quan ni m nh là "Linh ngã"). Tr ng h p này, thì t d c a lu n ch ng trên không hi u nghi m n a. V l i, chung cu c c a m i s khi chúng b ng ho i, hoàn nguyên thành nh ng th c th t i s (t, n c, gió, l a) và l i k t h p thành m t "cu c s ng khác" có th hoàn b nh ng c n ng c m giác (nh c a con ng i), thì lúc y, nh ng nguyên t t i s y l i óng vai trò nhân t t o tác nên nh n th c".

Tuy nhiên, ây không ph i là ngh lu n chính áng. Vì r ng:

a. M nh ch tr ng: Cái bình, hay m t cái gì i lo i nh th , không th là nhân t t o tác nên nh n th c c a m t hành gi ã th nghi m chân lý c a sinh t n.

b. Lu n c : B i vì, nó ch là i t ng c a nh ng c n ng c m giác (nh thính giác, th giác...) b t âu hình thành nên nh ng c m giác v nó.

c. T d : Ví d nh , Cái gì c nghe (i t ng c a thính giác) b i m t ng i khác v i hành gi n (thì ch a ch c hành gi ó có th nghe c, hay nh n th c c).

V l i, chúng ta c ng ã a ra t d v cái bình, nh là cái gì không ph i là nhân t t o tác nên nh n th c, nên chúng ta không ph m vào ch sai l m mà h ã ch trích.

H c phái S Lu n cho r ng: "V n h u u hình thành qua t ng giao c a nh ng th c th t i s và Linh ngã, trong ý ngh a này, thì trong cái bình c ng ti m t i nh ng tính n ng c m giác và nh n th c (mà Linh ngã có th)". Tuy nhiên, v i cái "ti m t i" tính nh th , c ng không th nói c r ng t d cho lu n c và ch tr ng c a chúng ta không thành l p c. Vì th , b n ch t c a ch trích này là không có ý ngh a.

---o0o---

4. PH NH T NG QUAN C A NGÃ (ÀTMAN) VÀ NH NG GÌ THU C V NGÃ (ÀTMIYA-NGÃ S)

Nh ng ng i quan ni m T ngã t n t i nói r ng:

"T ngã h n ph i t n t i (m nh ch tr ng)

B i vì, cái s thu c (cái "c a mình") c a nó t n t i (lu n c)

Ví d nh : Có tài s n thì ph i có ch nhân c a nó (t d)

Nh ng cái s thu c c a T ngã, trong ó có nhà "c a mình", phòng ng , qu n áo, m t, tai "c a mình"...(liên k t lu n lý)

Vì v y, T ngã h n ph i t n t i (qui k t)".

Tr l i i u này, chúng ta có th nói: N u t gi tr i mà cái g i là "T ngã" b t u t n t i, thì chúng ta có th nói v i "anh ta" r ng cái này là

"c a anh", nó là m t t n t i thu c v "anh", là s h u ch c a nó (vì nó mà "anh t n t i y!). Th nh ng, ã rõ ràng r ng m t cái "T ngã" nh th không t n t i:

"N u không t n t i T ngã,
Thì làm sao có c nh ng tính ch t và tính n ng thu c v T ngã y?". (TL18.2ab)

Nh v y thì, lu n c c a suy lu n th c trên không hình thành ý ngh a c. T d a ra, th c t thì c ng không th có c. Ngh a là, *n u nhìn t i m t i h u c a th c t i*, thì c tài s n và c ch nhân tài s n u không t n t i nh là m t th c t i (mà ch t n t i nh là s v t, v t th , hi n v t theo quan i m c a th gian). H n th n a, t c s trên v t th tính¹⁴ (c a nh ng cái nh "tài s n" và "s h u ch ") lu n ch ng cho t n t i c a T ngã-cái "tôi", theo th gian th ng tình quan ni m, nh v y thì, k t lu n có c d a trên s qui k t vào nh ng quan i m th gian y, ý ngh a c a nó không th a áng trong *cái nhìn t Th c t i t i h u*.

Cùng m t suy lý nh th , r ng nh ng h qu có t T ngã c ng t n t i, nh ng tính ch t và tính n ng c a T ngã c ng t n t i, chúng ta có th phê phán ó là nh ng sai l m c di n d ch t lu n c sai l m. Vì th , ng i tâm c u Trí tu Gi i thoát khi tinh t n quán sát nh ng i u nh th , thì:

"N u tri t tiêu c t t c cái Ngã và tính ch t thu c v cái Ngã y,
Thì g i là ch ng c c Trí Tu Vô Ngã". (TL18.2cd)
ây là ý ngh a c a vi c tu ch ng Vô ngã.

Nh ng ng i quan ni m T ngã t n t i còn ph n lu n xa h n n a:

*"T ngã h n nhiên t n t i (m nh ch tr ng)
B i vì, i v i ng i ã ch ng c Chân Th c Trí không còn t ng quan v i cái "chính mình"-T ngã và cái "thu c v mìn h", thì ng i y t mình bi t r ng cái "t mình bi t" y thu c v m t cách nhìn khác, không còn b h n nh trong cái "tôi"-T ngã và cái "thu c v tôi" n a.(lu n c)*

Ví d nh : a con c a th ch n , m t cái gì c cho hoàn toàn không t n t i, thì không th có cái bi t nh th .

M t ng i ã ch ng c Gi i Thoát thì bi t cái bi t Chân Th c nh th .(liên k t lu n lý)

Vì v y, T ngã h n nhiên t n t i (nh là ch th c a cái bi t chân th c ó)". (qui k t).

V i m này, chúng ta áp l i r ng: T t c nh ng gì có thay i- chuy n bi n thu c vào nh ng i u ki n t o tác, u là nh ng cái gì do t cái khác s nh ra, t ng m i m i sát-na sinh kh i ra và ho i di t i. ó, không t n t i T ngã và nh ng gi thu c v nó. T t c nh ng t Ph t giáo (Th ng T a b) c ng hi u i u này, nh là:

"Th c th g i là "T ngã" không t n t i, ch có nh ng gì sinh kh i và ho i di t, nh chúng c sinh ra nh th và ph i di t m t i nh th thoi". Vì r ng, cái g i là "T ngã" ó ch là i t ng c a ý th c bi n bi t (Th c Bi t) v nó thoi. N u "T ngã" không có, thì ý th c v "nó" c ng không có, ý th c v nó không có, thì không d y lên c ý th c v nh ng gì n i t i và ngo i t i "thu c v nó". M t khi ý th c v "T ngã" và ý th c v nh ng cái "thu c v nó" không kh i d y lên, thì cho dù cái mà ngôn ng th gian ràng bu c (và gi nh) nh là cái "tôi" -T ngã-Àtman nh th nào i n a, thì c ng không th quy t nh c r ng cái "tôi" b n th y là th c s t n t i c.

Hu ng chi là ng i ch ng c m t tr ng thái ã v t qua kh i nh ng khái ni m h n nh và t ng i c a t duy v v n h u, nhìn rõ m t cách chân th c (Chân Th c Trí, Chân Tri) r ng m i s v n không t -nó kh i sinh ra. Trong quan i m tinh c n B Tát o (nh là m t lý t ng c a i Chúng b) nh th , thì không c n ph i nói n a:

"T t c nh ng y u t n i t i và ngo i t i c a cái Ngã (Àtman)và nh ng gì thu c v Ngã (Àtmīya-Ngã S) u tri t tiêu hoàn toàn, không t n t i n a". (TL18.4ab)

Ngh a là: "T ngã" nh là m t t n t i có tính cách gi nh (Gi Danh) và c i u ki n Nh n th c (tính ch t c a v t ch t, c m th c a giác quan, bi u t ng v s v t, tác vi c a tâm th c và th c bi t_Ng m) c ng v n không ph i là nh ng gì t -chúng kh i sinh ra. Vi c này c ng gi ng nh : ng i b b nh au m t, nhìn th y d ng t ng (ng u nhiên o nh ng tác ng khác) c a râu tóc, mà cho r ng ó là nh ng t n t i c h u:

"Nh ng cái th nh n u tri t tiêu,

Cái th nh n tri t tiêu, thì h n ch th th nh n c ng tri t tiêu". (TL18.4ab)

Ngh a là: T n t i hay không-t n t i, ó c ng ch là nh ng gì ch ng khác h n s ch p tr c vào nh ng *ki n gi i d a trên c s c a o t ng*.

Vì th , lu n c c ang i ph n lu n a ra (r ng "T ngã t n t i nh là ch th nh n bi t c a Chân Tri") không thành l p ý ngh a c. V l i, trong t i n c t ra (m t cách m c nh r ng "cái Chân Tri y thu c v nh n bi t c a ch th T ngã"), thì ý th c v T ngã và nh ng gì *thu c v nó* v n t n t i nh là m t c i m c a ý th c bi n bi t (Th c bi t-thu c Ng m), vì v y, ó không th g i là Chân Tri c. H n th n a, trong lu n c y còn bao hàm c tính cách ph n-t n t i c a T ngã: trên c s c a T ngã, mà l i "không còn t ng quan v i T ngã và nh ng gì thu c v nó", vì v y, không th xác quy t c t th c a cái "T ngã" y là gì c.

PH N II

5. "CH TH " GI I THOÁT

H c phái S Lu n cho r ng: Ý th c v T ngã và nh ng gì *thu c v* nó, *v n* thu c v Linh ngã (nh là m t th c th t i s c a tinh th n, là cái t ng tác v i nh ng Th c Th T i S c a v t ch t nh t, N c, Gió, L a, *ng hi n* nên nh ng t n t i c th c a v n h u. Và, Linh ngã, nh là m t th c th tinh th n th ng h ng và vô h n, t n t i bi t l p v i t t c nh ng T ngã c th (thông qua v t ch t h u hình) y:

"Tri n ng (Buddhi-Giác) có th "bi t" c r ng nh ng c n ng n i t i¹⁵ (g m tri n ng, t -ý th c và tri giác) không ph i là Linh ngã, ngo i tr t -ý th c. Và tri n ng c ng "bi t" r ng chính nó (m t cái h u h n) không ph i là Linh ngã, mà c ng nh nh ng c n ng khác, ch có th t n t i trong t ng quan v i Linh ngã, m t cái khác th ng h ng và vô h n. Do v y, m t cái "bi t" Chân Tri (bi t chân th c trong t ng quan th ng nh t v i cái th ng h ng và vô h n_Linh ngã) thì không còn d y lên ý th c v "thu c v " T ngã n a. Vì v y i u ph n bác c a Trung Quán (r ng "cái bi t y v n còn ph thu c vào ý th c bi n bi t thu c v T ngã, nên không ph i là Chân Tri" và "T ngã t ph nh nó b i cái bi t không thuộc v nó"), là không úng.

Tuy nhiên, khi h (h c phái S Lu n) th a nh n r ng Linh ngã v n c t i p t c t n t i trong m i "T ngã nh ", thì nó c ng ch có th ý th c c b i cái "T ngã nh " y thôi, qua ó, không th lo i b ý th c "thu c v mình" thông qua c m quan (m t, tai, m i, l i...) trong t ng quan v i tính cách c a i t ng (màu s c, âm th anh, mùi, v ...), có th nh n bi t chân th c v Th c t i c. Theo ó, thì h c ng không th thành l p c m t cái bi t chân th c (Chân Tri) mà không thông qua ý th c v T ngã và cái gì "thu c v nó" c. V i u này thì Bà (Árya Deva, môn c a Long Th), c ng có nói:

"N u cái g i là "T ngã" t n t i, thì Vô Ngã là m t i u gì không th . Ho c gì , Trí Tu Vô ngã (Chân Th c Trí) và c Ni t Bàn n a, c ng ch là o t ng".

V v n n n trong v n Gi i Thoát này, có ng i trong h c phái S Lu n cho r ng: "*Chính nh ng Th c Th T i S t nó gi i thoát*", có ng i trong h l i cho r ng: "*Chính Linh Ngã t nó gi i thoát*". Trong ó, theo "Kim Th t Th p Lu n" thì:

"*Chính nh ng Th c Th T i S (g m Linh ngã và t, N c, Gió, L a) t chúng l u chuy n-bi n i, t chúng ràng bu c v i nhau, và c ng t chúng gi i thoát*".

Nh v y, n u theo nh h ch tr ng thì "tri n ng và nh ng th c th t i s (trong ó có Linh ngã) t n t i bi t l p" và qua ó, tri n ng có th có

c n c nh n bi t "các Th c Th T i S y t gi i thoát". Tuy nhiên, th c ra thì cái "tri n ng" y ch ng là gì khác h n ngoài nh n th c sai l m c a h . M t m t, h quan ni m tri n ng nh là cái gì " ng hi n t nh ng th c th t i s " và nh th không th th a nh n là nó hoàn toàn không th tách r i v i nh ng Th c Th T i S y c; m t khác, h l i v n c ch tr ng r ng "Linh ngã, nh là m t th c th t i s là ch th gi i thoát". C cho là nh th i, thì có r t r t nhi u nh ng T ngã, (nh là nh ng "Linh ngã nh " ang cùng t n t i c ng thông v i cái "Linh ngã l n" kia), chúng v n c ang t i p t c ho t ng không nh m vào m c ích gi i thoát và s không có c h i gi i thoát (cho dù ch th gi i thoát là "Linh ngã l n" có gi i thoát i ch ng n a) (?).

Nh ng ng i khác trong h l i cho r ng: "*D i nh h ng c a Linh ngã (l n) nh là ch th gi i thoát, thì cho dù nh ng cái ng hi n c a nó là nh ng T ngã c th ("Linh ngã nh ") v n c ho t ng trong trói bu c, thì cu i cùng c ng s c gi i thoát*".

Tuy nhiên, h l i xác quy t r ng "tri n ng t nó t n t i bi t l p v i nh ng Th c Th T i S ", m t khác, l i xác tín r ng cái "Linh ngã nh là m t th c th t i s v n th ng h ng và vô h n_m t cái v n không thay i" y, cu i cùng c ng s không khác v i nh ng cái mà nó " ng hi n" ra (T ngã và tri n ng c a nó). Theo nh ng i u ki n (v n mâu thu n trong t i n) nh th , thì không th có c n c nào phân ra c âu là trói bu c và âu là Gi i thoát n a.

Ví nh dù h có th gi i thích r ng: "Tuy b n ch t c a Linh ngã là không h có thay i-chuy n bi n, c ng gi ng nh m t kh i vàng, thì c ng có khi bi n thành v t trang s c cho c tay, có khi thành v t trang s c cho c chân, thì Linh ngã c ng chuy n i nh th ". Tuy nhiên, ngay khi h cho Linh ngã là "c ng chuy n i nh th ", thì nó ã không th là "Linh ngã th ng h ng và vô h n" n a r i, mâu thu n ã phát sinh.

H c ng cho r ng: "Có nh ng cái dù ch t n t i thôi, c ng có th gây ra nh h ng n nh ng cái khác. Tri n ng, nh là m t c n ng n i t i (v n mang nh ng *tính cách nguyên s c* a nh ng Th c Th T i S _g m *tính Thu n Nh t, tính Kích Ho t* và *tính UT i*), trong ó ph n Thu n Nh t c a nó phát tri n cho n khi nó nh n ra c tính đ bi t gi a Linh ngã (tinh th n) và nh ng Th c Th T i S khác (v t ch t), nh t ng quan gi a hình và bóng, thì nó c ng nh n bi t (*buddhi-kh n ng Giác ng*) ra s khác nhau gi a nó và nh ng Th c Th T i S khác, thì lúc ó nh ng gì thu c v Linh ngã l i h ng v s Gi i Thoát c a chính nó ra kh i nh ng ràng bu c t i s y".

Tuy nhiên, i v i nh ng c n ng n i t i (nh là nh ng cái t ng i v i nh ng i u ki n) thì có th x y ra nh ng t ng quan "khác bi t" có tính t ng i nh th , nh ng i v i Linh ngã (nh là m t th c th tuy t i nh h quan ni m) thì không th có c s "khác bi t" nào có th x y ra n

vì nó có, nên chính nó là cái gì không thể có Gi i Thoát (m t tr ng hu ng khác). Nếu Linh ngã có thể đi n ra m t tr ng hu ng "khác biệt" mang tính t ng i nh th , thì c ng l i gi ng nh i m ã phê phán nh trên.

V l i, c cho r ng vi c Linh ngã t nó và nh ng Th c Th T i S khác t n t i bi t l p có th chuy n hoán thành tri tính mà tri n ng có th nh n *bi t-giác ng* c, tuy nhiên, chính Linh ngã t nó không ph i là m t i t ng (có tính t ng i) c a nh n th c (có tính t ng i), thì l nào l i có th *nh n biêt* c nó nh là m t tri tính có th chuy n hoán c và có kh n ng giác ng ? H cho r ng "*có th nh n bi t c s Gi i Thoát c a Linh ngã gi ng nh nh n bi t c cái n tri n l i d u n c a nó*". Vì u này thì chúng ta có th lu n bác r ng: Linh ngã c quan ni m nh là cái không có bi n i chuy n hóa nào c, t tr c nó ã không h có th chuy n hoán, thì sau này nó c ng không th nào có th chuy n hoán c thành ra m t tri tính thanh t nh kh tri nào c. Vì th , không th t n t i m t s Gi i Thoát nào nó. B i vì, n u nó có kh n ng chuy n hoán thành m t tr ng thái tri tính vô nhi m (Giác Ng), thì nó, "Linh ngã th ng h ng b t bi n và vô h n" không ph i là "Linh ngã " nh ã quan ni m, i m sai l m này v n có t trong quan ni m.

H c phái S Lu n quan ni m "Linh ngã" là m t cái gì t t i s không th tác ng chuy n hóa c (nh là m t Tuy t i Th), ch có nh n th c và hành vi con ng i, nh là nh ng c n ng c n b n có tính cách t ng i, c hình thành t nh ng Th c Th T i S v i nh ng tính cách mâu thu n t i s (Thu n nh t, Kích ho t, U t i). Theo ó, tri tính (buddhi) c a con ng i, cái có kh n ng tính Giác Ng , c ng là m t c n ng t ng i và nó c ví d nh là m t ch nhân công có kh n ng em l i chi n th ng (Giác Ng) cho Linh ngã, và ví d này ch có tính cách *gi nh v m t cái gi nh* là "Linh ngã". Vì u này có ngh a là c "Linh ngã" và kh n ng "Giác Ng " c a nó, u là *gi nh*. n ây, ã có y c n c lu n ch ng, chúng ta hãy kh o sát vào v n chính:

---o0o---

6. GI I THOÁT, NH LÀ M T TR NG THÁI VÔ NGÃ

Nh v y, ng i tu o n l c quán sát t ng quan chân th t gi a nh ng c n ng nh n tri n i t i (m t, tai, m i, l i, thân th và ý th c_L c C n) và nh ng tính ch t thu c i t ng ngo i t i (màu s c, âm thanh, mùi, v , c ng m m...và nh ng tính cách c a i t ng_L c Tr n), và nh n ra c n c a chúng u là Không (Sùnyatà):

"T t c nh ng y ut n i t i và ngo i t i c a Ngã và nh ng gì thu c v Ngã u tri t tiêu hoàn toàn, không t n t i n a.

Nh ng cái th nh n u tri t tiêu,

Cái th nh n tri t tiêu, thì h n ch th th nh n c ng tri t tiêu". (TL18.4)

T c là: Khi nh ng cái n i t i, nh là c i m hình thành cái mà ng i ta ngh là "chính mình"-"tôi"-Ngã-Àtman và nh ng cái ngo i t i, mà ng i ta có th th nh n t th gi i quanh mình và ngh là chúng "thu c v mình"-"c a tôi"-Ngã s -Àtmīya, u d ng l i (m c chúng là nh th , và không còn gây ra nh ng o t ng v nh ng giá tr t chúng không là nh th), thì b n lo i ch p tr c: 1. Nh ng ch p tr c cho nh ng gì giác quan em l i là th c h u (S c, Thanh, H ng, V , Xúc_D c Th), 2. Ch p tr c con ng mình i là úng, ngoài ra là sai (Gi i C m Th), 3. Ch p tr c vào nh ng nh ki n s n có, cho ó là Chân lý b t bi n (Ki n Th), 4. Ch p tr c cái "chính mình" và nh ng gì "thu c v " nó là có giá tr t n t i (Ngã Ng Th), c ng u d ng l i. Trong ó, u tiên ph i nói n là vi c Ch p tr c vào giá tr t n t i c a Ngã (Ngã Ng Th), m t khi ã nh n *bi t và hi u* (*giác ng*) c r ng cái "tôi"-T ngã y không th c h u, thì ch p vào Ngã c ng t d t. Ngã ch p ã d t r i, thì các ch p tr c khác c ng t d t. i u này có ngh a là: Ch p tr c m t cái Ngã th c h u chính là c i m cho m i ch p tr c ti p theo sau ó, m t khi ch p tr c tâm i m này ã tuy t, thì m i cái t n t i d a trên c s c a c i m ó, c ng t nhiên không còn n a. C n nguyên cho m i cái d y lên (Sinh kh i) ã t n tuy t, ó g i là Gi i Thoát.

Tuy nhiên, s Gi i Thoát này tùy thu c vào m c c a cái *bi t và hi u* c a t ng ng i *nh th nào* v vi c không t n t i c a Ngã. Cái *bi t và hi u* y có th có c qua ngôn ng c truy n đ y (Thanh V n), ho c gi , có th có c b i tâm ch ng riêng t (c Giác), là hai ph ng th c thành t u cái bi t Chân Th c, nh m vào vi c ch m d t phi n não- au kh (_Nhân Vô Ngã, nh là m t lý t ng c a Ti u th a) . Còn ph ng th c thành t u Chân Th c Trí không ch nh m vào vi c ch m d t d t phi n não- au kh mà còn t n tuy t m i ch ng ng i c a nh n th c và t duy c a con ng i, thì ó là con ng c a B Tát (_Pháp Vô Ngã, nh là lý t ng c a i Th a). Ph ng th c ch m d t m i au kh phi n não ã c thuy t đ y ngay t u, còn ph ng th c t n tuy t m i ch ng ng i do chính t duy và nh n th c t o ra, thì c thuy t đ y nh sau:

"Nh th , tích l y t o tác và Phi n Não c ng tri t tiêu,

Nên g i là Gi i Thoát". (TL18.5ab)

Tích l y T o tác (Ngh i p) và Phi n Não là c s c a ti n trình Sinh Kh i, nên khi ình ch hai y u t này c gi i phóng kh i ràng bu c trong au Kh , nên g i là Gi i Thoát. Nh là hai y u t c s c a ti n trình Sinh Kh i, Tích l y T o tác và Phi n Não v n không đ y lên t nh ng i t ng

ngoại tử, nếu con người ta lừa khỉ đực và ngựa đực trong chính mình, thì dù
ít người nhận ra tình thế, thì hai yếu tố này cũng không có chỗ
khỉ đứng lên. Nó khỉ đứng lên như thế nào:

"Tích lũy tác và Phi Náo vẫn luôn là những cái phi-Thực tại
duy" (TL18.5c)

Tích lũy tác và phi nảo, là những cái tiến hành dựa trên phán
oán giá trị "(tôi) thích" hay "(tôi) không thích" thực tại duy. Những phán
oán giá trị (luôn luôn mang tính cách quy hướng vào Ngã-"tôi") như thế là
nguyên nhân cho Sinh Khỉ (c tác và phi nảo). Cũng như trên thế
gian này, có một giống thì có lúc nó nảy sinh ra mầm, một cái khi tiến làm
nảy sinh ra cái khác, cái trước làm nguyên nhân cho cái sau. Cũng giống như
thế, nếu vì con người chảnh chảnh, thì thực tại chính là cái do một tâm thức
chảnh chảnh bị tỏ ra chính nó tác ra, và chính thực tại duy lý tác ra những
phán oán giá trị (quy hướng về Ngã) làm nền tảng cho tích lũy tác và
phi nảo (trong một vòng tròn khép kín của luân hồi); ngược lại, nếu vì tâm
thức của người hiền triết Vô Ngã, thì thực tại không còn tác ra những
phán oán giá trị (quy ngã) như thế, nên cũng không đứng lên tích lũy tác
và phi nảo.

Trong đó, sự tích lũy tác (Nghị luận) trong một giai đoạn liên hoàn về
tâm thức tập nhiễm bởi phi nảo và những phán oán giá trị sai lầm, là điều
nên tránh cho những hành vi thực thân xác và ngôn ngữ. Phi
Nảo, là cái dày vò tâm hồn con người ta, cũng chính là cái khỉ lên trên Đ
Vạn (gần gũi với Sân Hồn và Mộng Muội).

"Tích lũy tác và Phi Nảo cũng sinh ra thực tại duy, thực tại khỉ đứng
lên những hình thức" (TL18.5c)

Những cái thực tại cho là "*Chân lý*" theo thói quen của thế gian (Ngôn
Thuyết) dựa trên các sắc tính của khái niệm ngôn ngữ (Hí
Luận). Tính của khái niệm ngôn ngữ này có thể trở thành tiêu chuẩn
như thế nào?:

"Trên các sắc tính của Không Tính (Sùnyatà), mọi hình thức đều
trở thành tiêu chuẩn". (TL18.5d)

Trong ý nghĩa "trên các sắc tính của Không Tính" này, cần phải bổ sung
thêm ý "*biệt và hi hữu* (Giác và Ngã) về Không Tính" (tức là *nhân thức theo
mặt chi hữu hướng khác của Thức Tỳ*). Tức là, nếu có thể biệt và hi hữu về
Tính của vạn hữu (theo những cách người ta nhận thức về chúng một cách
quy ngã) về những không tiến (theo những cách nhận thức của Pháp Vô Ngã), thì
tính cách của khái niệm ngôn ngữ (hí luận, trong hệ quy ngã) cũng
trở thành tiêu chuẩn.

Vì vậy, ý nghĩa Không Tính trong cách nói "trên các sắc tính của Không
tính", có nghĩa là khi cái Tu giác (trực quan) về Thức Tỳ Chân Thức đã đứng
lên, thì mọi sắc tính của khái niệm ngôn ngữ tác ra (hí luận) đều
trở thành tiêu chuẩn.

Ng ỉ ta có th ỉ r ỉng: N ỉ u con ng ỉ ỉ có th ỉ t ỉ duy v ỉ t ỉnh cách Vô Ng ỉ (Nh ỉn Vô Ng ỉ), th ỉ t ỉ duy ỉ kh ỉng ỉ ra nh ỉng ph ỉn ỉn giá tr ỉ "th ỉch" và "kh ỉng th ỉch" (theo h ỉ quy ng ỉ) n ỉa, th ỉ m ỉ t ỉch l ỉ y t ỉ o t ỉc và phi n ỉn ỉ ỉ u ỉnh ch ỉ (Gi ỉ Tho ỉt). V ỉ y th ỉ ỉ u c ỉn g ỉ ph ỉ ỉ có m ỉ t ỉ cách nh ỉn th ỉ c kh ỉc v ỉ v ỉn h ỉ u, r ỉng T ỉnh c ỉa ch ỉng kh ỉng t ỉn t ỉ?

Tuy nhi ỉn, ỉ u n ỉy kh ỉng ỉng. B ỉ ỉ v ỉ, theo qu ỉn t ỉnh c ỉa nh ỉn th ỉ c (ỉ c hu ỉn t ỉp c ỉng v ỉ quá tr ỉnh t ỉch l ỉ y t ỉ o t ỉc, ỉ tr ỉ th ỉnh th ỉ g ỉ ỉ quan v ỉ t ỉ t ỉ c nh ỉng quan n ỉ m v ỉ s ỉ v ỉ t ỉn t ỉ), phi n ỉn ỉn v ỉn c ỉ t ỉ p t ỉ c theo h ỉng có s ỉn c ỉa nó, dù ng ỉ ta có m ỉn c ỉn tuy t ỉ nó ỉ, m ỉn u kh ỉng qu ỉn s ỉt ng ỉn ngu ỉn r ỉng m ỉ t ỉn t ỉ ỉ kh ỉng có t ỉnh (m ỉn ng ỉ ta ỉ cho là "c ỉ h ỉ u"), th ỉ kh ỉng th ỉ nào t ỉn s ỉ o n ỉ tuy t ỉ hoàn to ỉn ỉ. V ỉ l ỉ, nh ỉng g ỉ ng ỉ ta "b ỉ t ỉ m ỉ t ỉ cách t ỉnh ỉnh" v ỉ t ỉ t ỉ c nh ỉng s ỉ v ỉ t ỉnh là ỉ t ỉng c ỉa nh ỉn th ỉ c (quy Ng ỉ) ỉ d ỉa tr ỉnh m ỉ t ỉ c s ỉ hoàn to ỉn kh ỉc ỉ v ỉ ph ỉng th ỉ c nh ỉn t ỉnh *kh ỉng qui h ỉng v ỉ Ng ỉ* (Ph ỉp Vô Ng ỉ), nh ỉ là m ỉ t ỉ ph ỉng th ỉ c nh ỉn t ỉnh *kh ỉng ch ỉ "b ỉ t ỉ"* (V ỉ Tr ỉ), hay *kh ỉng t ỉ p nh ỉ m b ỉ c ỉi b ỉ t ỉ* (B ỉ t ỉ T ỉp Nh ỉm Vô Tr ỉ), v ỉ th ỉ m ỉn h ỉng g ỉ ng ỉ ta ngh ỉ là m ỉnh "v ỉn ỉ b ỉ t ỉ" d ỉa tr ỉnh c ỉ s ỉ c ỉa Ng ỉ, ỉ b ỉ lo ỉ. Do ó, s ỉ qu ỉn s ỉt t ỉnh cách Vô T ỉnh c ỉa v ỉn h ỉ u kh ỉng th ỉ n ỉi là kh ỉng ỉ làm g ỉ c ỉ.

B ỉ l ỉ ó, Kh ỉng T ỉnh, nh ỉ là c ỉn ngu ỉn t ỉ t ỉ tiêu c ỉa t ỉnh ỉa ch ỉ u ỉa b ỉn c ỉa kh ỉi n ỉ m ngu ỉn ng ỉ (n ỉi theo ch ỉ u n ỉo c ỉng có th ỉ ỉng và c ỉng có th ỉ sai c ỉ), c ỉng kh ỉng là g ỉ kh ỉc h ỉn ch ỉnh Gi ỉ Tho ỉt. B ỉa Th ỉnh Thi ỉn (Àryadeva) c ỉng g ỉ ỉ th ỉy t ỉ:

"Gi ỉn ỉ c ỉ t ỉ c ỉnh ng ỉ g ỉ Nh ỉ Lai th ỉy t ỉ g ỉng cho th ỉ gian, th ỉ ch ỉ có hai ỉ u: M ỉ t ỉ, là *kh ỉng s ỉt sinh* (nh ỉ là m ỉ t ỉ c ỉi Thi ỉn ph ỉ qu ỉt), và hai, là *Gi ỉ Tho ỉt, g ỉ là Kh ỉng T ỉnh* (nh ỉ là c ỉ s ỉ cho c ỉi Thi ỉn ph ỉ qu ỉt và là ỉ ngh ỉa t ỉ h ỉ u c ỉa t ỉn t ỉ con ng ỉ ỉ)".

---o0o---

7. THUY T Ỉ GI ỈNG C ỈA TH ỉ T ỈN

Có nh ỉng ng ỉ ngo ỉ ỉo n ỉi r ỉng: "V ỉ ỉ m n ỉy, kh ỉng ph ỉ là ch ỉnh ông th ỉ y c ỉa c ỉc ỉnh (Ph ỉ t) ỉ n ỉi trong k ỉnh nh ỉ th ỉ n ỉy hay sao:

"Ta ỉ là v ỉng g ỉ c ỉa ch ỉnh m ỉnh, c ỉn m ỉ t ỉng v ỉng g ỉ n ỉo kh ỉc n ỉa sao?

L ỉng tr ỉng ph ỉ t ỉ ỉ u ng ỉ ch ỉnh m ỉnh..."

"V ỉ th ỉ, khi ỉnh n ỉi T ỉng ỉ kh ỉng t ỉn t ỉ, th ỉ há kh ỉng ph ỉ là ỉ m ỉu th ỉn v ỉ c ỉi c ỉ th ỉa nh ỉn t ỉ u hay sao? Nh ỉ v ỉ y th ỉ kh ỉng th ỉ th ỉnh l ỉ p ỉ c ỉ lý l ỉn kh ỉng có T ỉng ỉ".

V ỉ ỉ u n ỉy, ch ỉng t ỉi có th ỉ tr ỉ l ỉ: Có nh ỉng ng ỉ ỉ m ỉ tr ỉ tu ỉ b ỉ t ỉn h ỉ b ỉ nh ỉng thi ỉn k ỉn ph ỉnh t ỉnh nh ỉn qu ỉ, r ỉng "Kh ỉng có ỉ n ỉy,

không có gì khác, cũng không có kết quả tích lũy thành vi thần và ác, cũng không có luân chuyển tiếp phi-vật chất (Hóa Sinh)¹⁶ gì a nh ng ki p s ng". Nh ng thiên ki n nh th (v n t nó không có nh ng nh h ng h ng th ng) th ng mang xu h ng b t thi n đ n n b v c c a nh ng sinh lo i h ng (nh a ng c, ng qu , súc sinh...). Nhân vì có nh ng ng i mang nh ng quan ni m (t làm t n th ng và h th p ý ngh a cu c s ng h) nh th , tâm i t -bi c a Th Tôn h ng v h nói lên ý ngh a cao quý làm l i cho cu c t n sinh, r ng: dòng ch y liên t c c a tâm th c và tác ng c a tâm th c không h gi i h n và t o n trong t n sinh c a m t cá th , và dòng ch y c a t n sinh v n ti p t c l u t n nh ng tác ng c a tâm th c, mà không tuy t t n chung i m m i cu c s ng. ó là ý ngh a c b n c a t n sinh mà Th Tôn mu n nói, ch không phi theo ý ngh a theo thói th ng c a th gian r ng T ngã (nh là m t gi i h n cá th) t n t i:

"Các Nh Lai ho c nói v cái Ngã". (TL18.6a)

B i vì, có ng i quan ni m m t cách sai l ch r ng: T ngã là m t cái gì có b n ch t th ng h ng b t bi n, không gi i h n, là ch th th ng ng trên m i hành vi thi n và ác, là ch th th nh n nh ng k t qu y. H ng nh n T ngã nh là m t s i dây th ng trói bu c tâm th c con ng i, và r ng nó ngoài gi i h n mà thân xác v i các c n ng nh n tri, cho n nh n th c con ng i c ng không có kh n ng v i t i. Vì th mà cho dù có tu hành t c nh ng c nh gi i thi n, nh cao nh th nào i n a, thì c ng gi ng nh ôi cánh c a m t con chim b trói bu c b i nh m nh v n có c a nó (chính là b n ch t b t bi n c a T ngã), thì dù có bay xa trong ch ng m c c cho phêp, thì cu i cùng c ng ch r i xu ng tr l i thôi, ngh a là, con ng i ta không th gi i thoát c kh i au kh , là y u t nh m nh b t bi n v n n m trong b n ch t c a con ng i. Vì th (trong tr ng h p này), Th Tôn nh m vào s ình ch nh ng nh ki n nh th , c t c t t s i dây "T ngã", gi i phóng con ng i ra kh i nh ng au kh t t o, và ch ra r ng trong nh ng i u ki n nh n th c (Ng m) c a con ng i, không t n t i "T ngã" (nh h quan ni m). M t khác,

"(Các Nh Lai) ho c nói v Vô Ngã". (TL18.6a)

B i vì, có nh ng ng i khác, v n tích l y c nhi u m m thi n, c n c ã thu n th c, có lòng tin sâu xa và nh ng i u Ph t thuy t gi ng và nh n c nh ng tri th c chân th t t nh ng thuy t gi ng nh n m v Cam l . H ng v nh ng ng i này, Th Tôn nói lên ý ngh a Chân Th c c a Th c T i T i H u, r ng cái "chính mình" (nh là m t th c th B n Lai Chân Th c v n có) thì không th nói là không t n t i. Nh th :

"Trong cái Chân-Th t-Nh -Là-Th y,

Không t n t i Ngã và c ng không t n t i phi-Ngã". (TL18.5cd)

Có ngh a là: Trong cái th c th Chân Th c v n có y, không có c n c nào có th phán oán r ng T ngã t n t i hay không t n t i c c . Nh th

thì c ng không th nói (nh cách nh ng ng i ngo i o ã ch trích trên) là ph nh T ngã là i u mâu thu n v i cái "chính mình" mà Ph t th a nh n theo quan i m thông th ng c a th gian.

Nh ng ng i ph n lu n có th cho r ng: Nh ng i u mà Ph t d y là nh ng chân lý t i cao, trong ó có c i u Ph t th a nh n cái "chính mình"- T ngã nh trên, vì v y không th lu n bác i u ó c". Tuy nhiên, chúng ta không ph i là không có c s h i áp, vì kinh i n (t chính kim kh u c a Th Tôn) c ng nói:

"Th gian này không t n t i T ngã, c ng không t n t i nh ng ch th h u tình. T t c nh ng cái y u là nh ng gì do nhân t o tác (Nhân) và nh ng i u ki n t o tác (Duyên) kh i sinh ra thôi".

V l i, chính nh ng ng i ph n lu n y l i ã không th a ra lu n ch ng ch ng minh T ngã t n t i nh h ch tr ng, ng c l i, chúng ta ã a ra lu n ch ng ch ng minh c r ng T ngã không t n t i (ph n 3 và 4).

H n n a, có th gi i thích thi t ng 6 c a Trung Lu n v i m t hình th c khác, nh ng ng i không ng trên quan i m Ph t giáo lý gi i r ng: "*T t c nh ng gì có th bi n i-chuy n hóa u không t n t i T ngã, chúng u là nh ng cái bi n di t trong t ng m i m i sát-na, nói cách khác, chúng không t n t i liên t c n t ng lai, không có T ngã. V y thì c nh ng t o tác c tích l y (Nghì p) và k t qu c a chúng (Báo), không có m t ch th nh t quán trong th i gian (không có "ai" phải gánh ch u h u qu c a hành vi c a mình c , m i giá tr thì n-ác c ng vô ngh a, t n sinh c a con ng i hoàn toàn vô ngh a)*". Nh th thì h ph i i di n v i m t s th t áng s (r ng t t c u là h vô vô ngh a), nên i v i nh ng ng i T ngã *ph i t n t i* (nh là m t i m t a, t ó có th nh giá ý ngh a cho t t c m i s cho cu c t n sinh), dù ó ch là m t t n t i gi nh. Vì th mà Trung Luân (18.6a) vi t: "Các Nh Lai *ho c* nói v cái Ngã".

V l i, có nh ng ng i khác (thu c nhóm ch tr ng Duy Khoái-Lokàyakita) thì suy ngh nh th này: Con ng i ta, c ng ch là m t t p h p các quan n ng c a thân xác và nh n th c thông qua các giác quan. ó, T ngã, cái c xem nh là c n nguyên c a t ng quan Nhân-Qu và Nghì p-Báo, là m t cái gì không có th c th , ch là m t cái bi n i-chuy n hóa không c nh. Cái g i là "con ng i", r t cu c c ng ch là m t cái gì không có T Ngã, không có m t t n sinh liên t c n t ng lai, không có m t c n c th c h u t n t i, th nên c ng không có c lý l luân h i nào c . Theo cách suy ngh nh th , h qui k tr ng t ng quan Nhân Qu là vô m c ích:

"*Con ng i ta, là cái gì ch có th i n t n cùng và k t thúc nh ng giác quan và nh ng ph m vi chi ph i c a chúng. Nàng h i, nh ng gì mà các v hi n thánh nói c ng ch nh theo v t chân con sói thôi (th c ra không ai có th bi t con sói ó_s th c_ âu c), v y thì, yêu ki u nàng h i, hãy n hãy u ng cho say i. Ngoài thân xác tuy t v i c a nàng ra, nàng h i, không có gì*

trác vị t h n c n a. Nàng áng s c a ta, nh ng gì ã trôi qua thì không th nào thay i c n a, ngay c thân xác này, c ng ch là m t t p h p nh t th i (c a các y u t v t ch t_T i) thôi"¹⁷.

B i vì h ngh r ng T ngã (nh là m t c i m v ng ch c phán nh giá tr c a t n sinh) không t n t i, v i t cách nh là con ng i ch có th nh n th c c v n h u thông qua nh ng c m quan. Vì th mà Trung Lu n vi t: "(Các Nh Lai) ho c nói v Vô Ngã" (18.6b).

Khi các Nh Lai nói v Th c T i Chân Th c c nh n bi t m t cách tr c quan, thì c ng không kh ng nh c ng không ph nh t n t i c a Ngã (nh là m t th c th làm n n t ng cho nh ng giá tr phán oán c nh và quy h ng), trong ó:

"Trong cái Chân-Th t-Nh -Là-Th y,

Không t n t i Ngã và c ng không t n t i phi-Ngã". (TL18.6cd)

Ngh a là: T n t i chân th c c a v n h u bên ngoài tính cách a chi u và qui h ng c a nh ng khái ni m ngôn ng , nó v t qua nh ng ch p gi c nh trong ph m vi qui h ng r ng T ngã t n t i hay không t n t i. H n th n a, các Nh Lai bi t rõ ng n ngu n, r ng nh ng phán oán trong ph m vi khái ni m ngôn ng và t duy c a con ng i v t ngã t n t i hay không t n t i, u không có c n c th c t i. R ng, T ngã t n t i hay không t n t i, u là gi nh c a t t ng (V ng T ng), chính nh ng gi nh d a trên c s c a nh ng gi inh có c t c m quan và nh n th c nh th , u không ph i là Th c T i.

Kinh "Th ng Thiên V ng Bát Nhã Ba La M t a" c ng thuy t gi ng:

"Này h i Svikrànta Vikràmi, nh ng y u t thu c thân xác (S c) không ph i là T ngã c ng không ph i là phi-Ngã. C ng nh th , nh ng th c m (Th), nh ng bi u t ng, nh ng khái ni m (T ng), nh ng tác vì phán oán giá tr (Hành), và c nh n th c (Th c), u không ph i là T ngã, c ng không ph i là phi-Ngã. Bi t rõ i u này, ó là Tu Giác Chân Th c (Bát Nhã Ba La M t)".

---o0o---

8. TÍNH CHÂN TH C C A TH C T I (PHÁP TÍNH)

Chúng ta ã lu n bàn "Trên c s c a *Không Tính*, m i hí lu n u tri t tiêu" (TL18.5d), th nh ng làm th nào mà tính a chi u và tính t ng i c a khái ni m ngôn ng l i có th tri t tiêu nh th ? Con ng i ch có th t t ng m t cách thiên hình v n tr ng d a trên nh ng khái ni m ngôn ng có th phán oán v nh ng s v t t n t i. Ng c l i i u này, Không Tính-Sùnyatà là m t tr ng thái siêu vi t lên t t c m i tính cách có th có c a s v t (hay tính cách mà ng i ta phán oán v chúng), c ng gi ng nh nh

vào h không, nó ch ng có cái gì mà ng i ta có th tri giác c b ng tr c quan, c ng ch ng có cái gì ng i ta có th bi u hi n b ng khái ni m ngôn ng c c .

"Trong cái Chân-Th t-Nh -Là-Th y, t t c nh ng Tác Vi (Hành) c a tâm th c, c nh ng khái ni m ngôn ng u d t tuy t" (TL18.7ab)¹⁸
Ngh a là: C n c c a ngôn ng , là nh ng khái ni m hình thành c a nó không t n t i. Và nh th nào mà nh ng khái ni m hình thành l i có th d t tuy t nh th ?

"(B i vì) t t c nh ng Tác vi (Hành) c a tâm th c, c nh ng khái ni m ngôn ng u t n tuy t" (TL18.7b)

Có th hi u câu 7b v i tr ng b sung "*b i vì*", nh là lý do cho câu 7a. Nhóm t "nh ng Tác Vi c a tâm th c" (Tâm hành) có th hi u nh là "*nh ng Tác Vi có nh h ng c a tâm th c*". T c là, t o tác cho s v t t n t i nh ng ý ngh a khác (v i cái mà s v t v n là nh th , mà c *nh h ng theo h quy ngã_Tâm Hành C nh*). Nh ng ý ngh a khác c t o tác v i tính nh h ng này, t i m nhìn Chân Th c t i h u, thì không ph i là *Th c T i v n nh là th* . Nh ng tác vi t o tác c a tâm th c c bi u hi n ra ho c v i tính cách cá bi t, ho c v i tính cách ph quát, nh là nh ng "s v t", " i t ng" c a chính tâm th c. "T n tuy t" ây có th hi u theo ngh a "*có th xem nh là m t ph ng th c t n tuy t*". i u này có ngh a là: Cho dù nh ng tính n ng c a tri n ng có tác ng vào hay không tác ng vào i n a, thì Không Tính v n không h m t i, mà v n c tr c quan b i Tu Giác siêu vi t lên m i t t ng có tính nh h ng c a khái ni m (Vô Phân Bi t Trí). B i tính cách nh th , m t khi con ng i ã ình ch m i Tác Vi t o tác c a tâm th c, thì c ng i n ch ình ch luôn t t c m i t t ng hình thành t khái ni m ngôn ng .

Tuy nhiên, s ình ch m i Tác Vi (Hành) t o tác c a tâm th c, không có ngh a là "b i m t y u t nào ó", v y thì làm sao có th "t n tuy t" c nh ng tính n ng v n có c a chính tâm th c? Bên ngoài nh ng Tác Vi c a chính tâm th c con ng i, là m t *Th c T i v n nh là th* :

"Không có Sinh Kh i, c ng không có Ho i Di t,

ó là m t th tuy t i tuy t h t m i i-ph n Sinh-Di t, hoàn toàn t ch t nh, nh Ni t Bàn". (TL18.7cd)

ây, ph i nói n "*Tính Chân Th c c a Th c T i*" (Pháp Tính), v n là b n th c a v n h u, c ng ng ngh a v i *b n tính c a s v t t n t i*.

Ho c gi , có th gi i thích thi t ng 18.7 nh sau: Ng i ph n lu n có th h i v *c u th c lu n lý*¹⁹ c a vi c "t t c nh ng khái ni m ngôn ng u b d t tuy t", v v i c này thì tôn s (Long Th) ã minh gi i: Khi m t ng i tu hành thi n nh, nh p vào Không Tính, thì ng i y i vào trong m t tâm c nh siêu v t m i hình t ng, trong ó nh ng gì c bi u hi n b i khái ni m ngôn ng không t n t i, vì th nên nói là "nh ng khái ni m c a ngôn ng u d t tuy t". B i vì chính tâm th c không tác vi ra nh ng nh h ng

có tính cách quy h ng (Ngã) nào có th hình thành nh ng khái ni m thu c v ngôn ng : "Vì t t c nh ng Tác Vi c a tâm th c u t n tuy t".

Nh th thì "T tính" c a s v t t n t i v i tính cách là " i t ng" c a tâm th c (hay c a nh n th c nói chung) ch ng là gì khác h n là chính *cái c t o tác ra b i tâm th c*. B i vì m t khi m t ng i i sâu vào c nh gi i mà "t t c nh ng tác vi c a tâm th c u t n tuy t", thì chúng c ng không còn t n t i n a. Nh ng, nh th nào mà nh ng " i t ng" c a tâm th c y_cái c t o tác ra b i chính tâm th c y_l i ng ng t n t i nh th ? B i vì, lúc y ch còn l i cái Chân Th c nh là th (Pháp Tính): "m t th tuy t i tuy t h t m i i-ph n Sinh-Di t, hoàn toàn t ch t nh, nh Ni t Bàn". Trong câu này c n b sung thêm m t ý ngh a n a: "Pháp Tính, ó c ng chính là chân t ng v n có c a v n h u và c a chính tâm th c".

Ho c gi , c ng có th hi u thâm ý c a thi t ng 18.7 trong ý ngh a: Khi không còn b n tâm n n a v n t n t i hay không t n t i (nh là *tri th c gi nh*) n a, thì khi y cái *Chân Th c nguyên s c a Th c T i* hi n l ra nh nó v n luôn luôn là nh th . Ho c gi , n u nh có ng i h i: nh th nào cái Chân Th c nguyên s y hi n l ra? Thì có th nói n gi n r ng: ch vì ã không còn khái ni m có tính nh h ng c a ngôn ng gán cho nó m t "ý ngh a" quy h ng nào n a, "m i khái ni m ngôn ng u d t tuy t" thì ch còn nó, *Th c T i-Pháp Tính*, ó, t x a n nay bao gi v n th . N u ã không còn l u luy n gì n a nh ng tri th c gi nh v t n t i hay không t n t i n a, thì nó, nh th y. Ho c gi , n u còn th c m c n a r ng nh th y là nh th nào? Thì là b i vì r ng "m i Tác Vi c a tâm th c u t n tuy t", chính tâm th c t nó không còn Tác Vi nào tác ng vào " i t ng" c a nó n a, nó không còn b n tâm xao xuy n vì nh ng cái mà nó gi nh r ng t n t i hay không t n t i, v i nh ng nh n th c thông qua nh ng khái ni m có tính quy h ng c a ngôn ng n a.

Ngoài ra, có th hi u thi t ng 18.7 này, còn có m t ý ngh a m c nh ã c gi n l c i, ó là: "nh ng cái khác n a". Ngoài nh ng Tác Vi t o tác và nh h ng c a tâm th c thông qua nh ng khái ni m ngôn ng , còn có "nh ng cái khác n a" (nh ng i u ki n t o tác c a nh n th c nói chung: nh ng tính ch t c a s v t c nh h ng nh là " i t ng" c a tâm th c_S c, nh ng th c m t các quan n ng em l i nh ng thông báo có liên quan n t n sinh_Th , nh ng hình nh và bi u tu ng c a s v t c tâm th c l u l i trong kinh nghi m_T ng, nh ng Tác Vi c a tâm th c nh h ng và phán oán_Hành, và nh ng ý th c phân nh bi n bi t gi a cái này và cái kia_Th c. Nh ng i u ki n này v n g n k t nhau trong m t t th liên hoàn ch c ch c a nh n th c). H n n a, không t c s trên nh ng i u ki n nh n th c này, không có ngh a là không th nh n ra tính chân th c c a Th c T i. Vì r ng, chính b n thân s không t c s d a trên tính cách quy h ng (Ngã) nh th nh n th c "s v t" nh là nh ng " i t ng", c ng là m t s nh n "bi t" không l m sai v nh ng gì ang t n t i, trong ý ngh a

nh n "bi t" (Tu Giác) tính chân th c c a Th c T i. ó chính là cái mà Kinh g i là "Cái Bi t Chân Th c là cái Không Bi t". B i l ó, mà m i khái ni m ngôn ng mang tính nh h ng và tính gi nh, u t n tuy t.

Kinh "Thánh Vô T n Tu B Tát" vi t: "Cái Chân Th c T i H u là cái nh th nào? Là cái mà ó không có nh ng tác ng c a tâm th c n a, hu ng h chi là t o tác ra nh ng khái ni m v n t ". Kinh i n khác thì nói: " ó là cái xa lìa kh i tâm th c, ý ni m và th c bi t". Và Trung Lu n c ng nói v cái Chân Th c nh th m t cách gi n khi t: "Không có sinh kh i, c ng không có ho i di t. ó là m t th tuy t i tuy th t m i i-ph n Sinh-Di t, hoàn toàn t ch t nh, nh Ni t Bàn" (TL18.7cd). Ngh a là: T t c m i t n t i u là th siêu vi t (kh i m i khái ni m ngôn ng và t t ng).

Ho c gi là (trong m t ý ngh a khác), m t ng i ã i s âu vào tâm c nh ã siêu vi t kh i nh ng tác ng c a nh n th c, thì nh ng bi u hi n ngôn ng và t duy không kh i lên, c ng gi ng nh ánh sáng m t tr i, khi y Tu Giác v Không Tính chi u soi t t c m i b n tính v n có (Pháp Tính) c a t n t i. ó c ng chính là cái mà "m i khái ni m ngôn ng u d t tuy t", b i vì r ng: "m i Tác Vi c a tâm th c u d t tuy t". i t ng c nói n ây là s tác ng c a tâm th c con ng i. Nh th nào mà m i tác ng c a tâm th c l i có th d t tuy t nh th c? Là nh th này: Trong m t th gi i mà t t c m i nh n th c v " i t ng" u kh i sinh do tác ng quy h ng c a tâm th c, thì m i s v t t n t i c nh n th c v i thiên hình v n tr ng nh ng tính ch t c thù hay ph quát, và cái dòng chày t duy c d y lên thiên hình v n tr ng nh ng t duy, gi ng nh con t m t cu n mình trong cái kén c a chính nó t o ra; tuy nhiên, m t khi mà con ng i nh n ra chân t ng v n h u v n không t n t i nh th (nh là m t " i t ng" quy h ng c a tâm th c), thì tâm th c không còn " i t ng" c a nó n a, nên m i t duy (v nh ng " i t ng") c ng không th kh i d y lên c.

Ngay c vi c nh n "bi t" (Tu Giác) b i tr c quan v "m i Tác Vi c a tâm th c u d t tuy t" này, thì ch th nh n bi t (là m t cái gì v n không có Tác Vi t o tác), c ng không thu c v "ch th " t o tác (T Ngã). Th thì, nh th nào mà có th nh th c? B i vì r ng: "Không có sinh kh i, c ng không có ho i di t. ó là m t th tuy t i tuy th t m i i-ph n Sinh-Di t, hoàn toàn t ch t nh, nh Ni t Bàn". Nói nh v y có ngh a là: " i t ng" c a tâm th c, hay nói cách khác, "s v t" ngoài tâm th c c quy h ng nh là " i t ng" c a nó, u d t tuy t, không có ngh a là s d t tuy t này c t o tác ra b i m t cái gì khác n a. V vi c này thì Kinh B o Tích ó thuy t gi ng: "Không ph i vì do b i Không Tính làm cho s v t t n t i tr thành Không. Mà chính vì t t c m i s v t t n t i t chúng, ã v n là Không Tính"

Th nh ng, c ng c n c hi u r ng b n tính c a t t c m i s v t c ng ng ngh a v i Ni t Bàn. V i u này thì Kinh Ph m Thiên V ng S

V n có nói: "Nh Lai bi t r ng: trên c s c a Giác Ng , thì nh ng phi n
não kh i d y lên do v ng t ng phân bi t, t chúng không th c có, b n tính
c a chúng v n là không kh i d y lên".C ng b i l y, Bà Thánh Thiên
nói m t cách chu n xác r ng:

"Chính tâm th c là m m m ng c a sinh kh i, mà i t ng c a nó
chính là ph m vi tác ng c a nó. N u nh n bi t c r ng nh ng i t ng
y v n không t n t i (nh là nh ng nh h ng c a T Ngã), thì m m m ng
c a sinh kh i c ng t n tuy t" ("T Bách Luân"-Catuh - Sataka, b n T, 14.25)
Nh th thì, n u giác ng c r ng m i s v t t n t i u ng nh nhau,
v n t chúng là nh ng cái không sinh kh i, nh Ni t Bàn, thì " i t ng" tác
ng c a tâm th c u d ng l i, n u không có nh ng i t ng c a tâm th c
thì c ng không có i t ng c a ngôn ng . N u không có t t c nh ng th
y, thì t t c m i thiên hình v n tr ng c a t duy, do ch p tr c nh ng lý l
theo thói th ng c a th gian, u d ng l i trong im l ng.

---o0o---

PH N III

9. TRUNG QUÁN KHÔNG PH I LÀ H VÔ LU N

M t s ng i trong m t b ph n c a Ph t giáo và m t s ng i ngoài
Ph t giáo ch trích r ng: "*Nh ng lu n gi c a Trung Quán u d n n ch
qui k t r ng t t c m i t n t i u nh là không t n t i, i u này ch ng có gì
khác bi t v i H Vô Lu n c*". áp l i i u này, có ng i trong phái Trung
Quán (ch Ph t H -Buddhapàlita) nói:

"Cho dù c hai u gi ng nhau i m cho r ng v n h u u là không,
thì gi a Trung Quán và H Vô Lu n u có nh ng i m khác nhau. C ng
nh các Ph m Thiên và các A-la-hán u không quan tâm n t n t i hay
không t n t i, th nh ng m t bên vì bàng quan mà nh th , còn m t bên thì
b i vì ã quán sát suy t ng r tráo không quan tâm n v n y n a.
V l i, c ng nh ng i mù và ng i sáng m t, thì cho dù có bi t là l m
ph ng h ng, i m khác nhau ch là m t bên thì không th , còn m t bên
thì có th (xác nh ch sai l m)".

Th nh ng, v i m này thì ng i ph n lu n có th ch t v n: "*Nh ng
mà chính s lý gi i v n h u u không, t nó không có i m phân bi t nào
kia mà?*". V i m này thì Ph t H không gi i thích c, vì th mà câu tr
l i c a ông, v n ch a th a áng c. C n m t s minh gi i i m này chính
xác h n, nh sau:

R ng ng i ta có th xem nh ng ng i theo Trung Quán và nh ng k
lu n gi i H Vô là gi ng nhau trong m i ph ng di n hay sao? Cách nh n

nh này là theo b m t nh thói th ng c a th gian, hay t i m nhìn c a Th c T i T i H u?

Tr c h t h y lu n v cách nhìn c a th gian: Nh ng k lu n gi i H Vô trong b n ch t là nh ng k ch p tr c vào vi c ph nh lu t Nhân Qu , h b t ch p c s o c và hành x thi u o c, làm t n h i n nh ng cái mà thông l mà th gian tin c y. Tuy nhiên, nh ng ng i lu n gi i Trung Quán thì xem t ng quan Nhân Qu nh hu y n nh, nh quáng n ng không th c s t n t i, c ng không nh t thi t ph nh nó, c ng không khuy n d n n nh ng hành vi b t thi n. i v i dòng ch y c a tâm th c luôn luôn mang theo phi n não nh là m t h qu t t nhiên, r i l i tái sinh kh i tâm th c t ng lai (c ng kèm theo nh ng phi n não t t nhiên) trong m t chu i dài, cái quá kh n i ti p cái hi n t i, cái hi n t i l i ti p n i v i cái t ng lai, trong m t chu i m c xích t t o, v t t c nh ng cái này thì Trung Quán xem nh nh ng gì đi n ra trong gi c m ng, không có c n c xác th c. Vì th , Trung Quán c ng không làm t n h i n l th ng c a th gian, nh ng k H Vô Lu n ã làm. B i lý do ó, cho dù có ng trên l p tr ng c a th gian i n a, thì c ng không th xem Trung Quán Lu n và H Vô Lu n gi ng nhau.

V lai, n u ng t i m nhìn c a Th c T i t i h u, thì c ng không th xem hai cái y gi ng nhau c. T c là, tr ng h p nh ng k lu n gi i H Vô, ngay chính b n tâm c a con ng i c ng b ph nh cùng m t cách th nh là m t i t ng không t n t i, nh m i cái u không t n t i, i u này c ng sai l m t trong c n khi " i t ng" hóa m i t n t i (l i t m i "cái" thành ra nh ng "cái gì", nh là nh ng "v t th tính" thu c v lãnh v c qui h ng c a t duy, r i t ó m i "H Vô hóa" chúng theo m t cách th c t duy riêng b i t). Trong tr ng h p này, s phá h y nh ng lu t t c c m oán (Phá Gi i) ch em l i cho chính k phá h y s ô nhi m_b i chính s phá h y t nó ã là ô nhi m_mà không làm cho phi n não nguôi i c. Trái l i, l p tr ng c a Trung Quán (trong m t b n th lu n hoàn toàn khác) là k t qu c a m t s quán sát Tính Chân Th c c a v n h u, r ng khi ch a nhìn ra c b n th c a v n h u thì m i cái u t n t i nh là nh ng "cái khác" (v i cái chúng v n là nh th), mà m t khi ã nhìn ra, thì nh ng "cái khác" y u v n là Không c. S soi sáng tính cách c a m i t n t i nh th , làm ng ng l i m i tác ng sai l ch c a con ng i i v i t n t i (và vì th c ng làm ng ng l i m i phi n não d y lên t nh ng c ch p l m sai y).

C ng không th ngh r ng s ph nh c a Trung Quán có bao hàm ý th c v không-t n t i (c ng là m t ý th c v " i t ng" trong t ng quan t ng ph n). Có ngh a là:

a. N u nhìn t i m nhìn c a Th c T i chân th c t i h u, thì nh ng "cái khác" c a t n t i u không t n t i (m nh ch tr ng).

b. Vì chúng ch là nh ng tri th c gi nh (lu n c).

c. Ví dụ như: tri thức gì như nó có tồn tại (thì sự "tồn tại" đó có ý nghĩa trên cơ sở của gì như, rằng "nó có tồn tại trong gì như", tồn tại không phải là Thực tại) (t d)²⁰.

Hơn nữa, về mặt cái gì đó, nếu ý thức như như sự tồn tại (Hư) của nó, thì điều này dẫn đến một phân biệt là: nó có một cách hiểu ý thức về sự không-tồn tại (Vô) của nó. Một khi đã tri thức "tồn tại" (như là một gì đó trong một cách nào đó) rồi, thì cái phân biệt của nó, "không-tồn tại" (cũng như là một gì đó trong cùng một cách) cũng không còn nữa, có ý thức về tồn tại liên không-tồn tại cùng một lúc đồng thời (vì ý thức về cái phân biệt tồn tại khi có một trong hai cái phân biệt, có ý thức về cái này thì mới có ý thức về cái kia, phân biệt của nó). Một ngày khi đi sâu vào trong Tu Giác của Không, đã siêu vượt ra khỏi mọi gì gì đó (có tính gì đó) của cái như thế phân biệt, thì cũng không còn có ý thức về cái "không có" (như là một phân biệt của cái "có") nữa. Bởi vậy mà Hư Vô Luận (là cái vẫn coi "không có gì" là cái cơ bản cho chính nó) thì không thể gì là gì ngay vì Trung Quán. Bởi vì Trung Quán không phân biệt cái "có" thì phân biệt cái "không có" (một cách tích cực) như thế. So sánh về mặt gì của Hư Vô Luận và Trung Quán Luận, cũng như so sánh gì của hai anh túc (cây á phiến) và núi Thái Sơn, giữa hai cái có một khoảng cách rất lớn.

---o0o---

10. HAI BÊN THỰC CHÂN LÝ

Tất cả mọi sự tồn tại đều gì gì như Niết Bàn (vẫn không sinh không diệt), tuy nhiên đó là nhìn từ quan điểm của Thực Tại Hữu. Như thế thành tựu như Bất nhị và đáp. Vì vậy, dù theo như nguyên tắc của thế gian này, thì như thế giới nhị nguyên (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể, ý thức_L của C) và ngũ sắc (màu sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc giác, biểu tượng về sự vật_L của Tr) vẫn cần phải phân biệt thực của chúng (xây dựng nên thế). Vì thế một mặt, như thế giới nhị nguyên và ngũ sắc hình thành nên như thế về vấn đề theo cách thức của thế gian như thế, một mặt khác, tất cả như thế đó cũng như thế nhị nguyên là hoa m trong không trung, như thế, không phải là cái chân thực và thực tại:

"Tất cả, (dù là) thực hay không thực," (TL18.8a)

Nghĩa là, như Thế Tôn cũng đã nói: "Như thế cái mà thế gian cho là có, ta cũng nói là có. Như thế cái mà thế gian cho là không, ta cũng nói là không".

Trong nghĩa này, như thế giới nhị nguyên và ngũ sắc như thế không gì, tồn tại theo cách thức của chúng, như thế đã là như thế và cũng như thế, nên gì là "Tất

c, (dù là) th c". M t khác, i v i b n th chân th c t i h u, thì nh ng gì kh i d y lên t nh ng i u ki n y, u nh o huy n, cái v n không t nó có, không có b n th th c s (T tính) c a nó. T chúng v n không t n t i nh là nh ng th c h u, nên g i là "T t c, (dù là) không th c".

Hai ý ngh a (có v m u thu n) trùng l p (mà không trùng l p), c kh ng nh cùng m t lúc v i ph nh (không nh là hai tính cách i c c, mà nh là m t th ng nh t c a hai tính cách này, Th c T i):

"C ng u là th c, và c ng u là không th c," (TL18.8b)

i v i nh ng hành gi Du Già (Yoga) hay v i ng i ang tr c quan Th c T i v i Tu Giác, thì m t th ng nh t nh ng tính cách i c c nh th, là m t i u hi n nhiên, vì h ch n gi n tr c quan nó, không thông qua nh ng bi n bi t c a tâm th c n a.

" u không ph i th c, và c ng không ph i không th c .

ó là Pháp y u c a ch Ph t." (TL18-8cd)

Ho c gi , c ng có th hi u thi t ng 8 nh sau:

c t t nh ng ch ng ng i b i phi n não cho con ng i, Th Tôn ã thuy t gi i: "Hãy bi t r ng nh ng i u ki n n i t i (L c C n) và nh ng i u ki n ngo i t i (L c Tr n), u v n không ph i là T ngã và cái thu c v T ngã". Vì th nói r ng: "T t c, (dù là) th c".

Cái c g i là "tâm th c", c ng là cái th ng c cho là "T ngã", nh là m t ch th t n t i v i nh ng cái "thu c v " nó. ó, nh ng phân nh bi n bi t nh là ch th "nghe", ch th "t duy", ch th "tu t p"... cu i cùng, c ng ch là nh ng cái do i u ki n t o tác kh i d y lên, u không th c h u. Vì th nói r ng: "T t c, (dù là) không th c".

Dù ó là l p tr ng c a th gian, hay ó là quan ni m c a nh ng tri t lu n, trên c s th c ch ng hay trên c s lu n ch ng, u không vói t i Th c T i, v n bên ngoài tính cách th c ch ng và lu n ch ng, vì th : "C ng u là th c, và c ng u là không th c".

Cách gi i minh c a i Th a d a trên c s (khác v i nh ng cái trên), r ng: T t c u v n không t kh i sinh, không t t o tác. Theo ó thì t t c nh ng tri th c c a con ng i, trên c s gi nh tính c a nh ng khái ni m, c ng ch là nh ng gi nh d a trên nh ng i u ki n (dù là th c hay không th c), c ng u không th i n c m c tiêu cu i cùng c a nhân sinh: ó là thoát kh i phi n não và au kh . Vì th mà: " u không ph i th c, c ng không ph i không th c. ó là Pháp y u c a ch Ph t".

Trong thi t ng này thì "Ph t", nh là m t nguyên lý Giác Ng toàn di n trong m t con ng i, c ng g i là "Toàn Giác", là lý t ng và là m c tiêu t i h u mà con ng i ta có th t n c, v i t cách là m t con ng i. "Pháp Y u" là m t ch h ng (mà t nó không ph i là "Chân lý") n m c tiêu t i h u y, m t h ng i mà m i ng i có th h ng t heo ó v i kh n ng, tính cách, h n nh c a m i ng i, m i ng i v i t cách là m t con ng i v n có nh ng h n nh, c ng có th t n c u cánh t i h u y.

"Pháp Y u c a ch Ph t", n g i n ch là l i g i n g, ch h n g i n m c tiêu t i h u (ch không ph i là thuy t g i n g chân lý t nó, c n g không ph i thuy t g i n g t nó là chân lý).

ó là minh g i i ch khác bi t g i a n h n th c c a th gian và Giác Tính (Buddhi) theo i m nhìn Chân Th c T i H u. Minh g i i này là hi h u, không g i n g v i n h n g l u n g i i (không toàn tri t) khác, không g â y r a ph n g h i, là ch g i i minh có th đ t c toàn tri t n h b t an, phi n não cho n g i nhi t tâm theo h n g này.

---o0o---

11. NH NGH A TH C T I T I H U_(param rthasatya)

Nhi u n g i trong n i b Ph t giáo và các h c phái ch trích r ng: "*N u nh anh cho r n g c tha h mà ph nh t t c m i v n g t n g c a n g i khác, không ch a m t ch nào, thì khi n n g i ta có th lý g i i c s chân th c. V y thì, ít nh t c n g ph i nh ngh a (cái mà anh cho là) chân th c, là gì. N u nh anh không ch ra c nó là cái gì, thì chính anh c n g không th t thì t nh ch tr n g c a mình, mà ch i ph nh ch tr n g c a n g i khác, há không ph i là ph b á n g (n g i khác hay Ph t pháp) hay sao?*".

tr l i i u này, chúng ta nói r ng: "N u nh có th bi u hi n nh n g tính ch t c tr n g c a cái Chân Th c, b n g ngôn n g , thì vi c t t nhiên ph i thu t trình nó ra, là ú n g. Tuy nhiên, ó không ph i là cái có th bi u hi n c, b n g ngôn n g ²¹. Dù v y, nh n g n g i s tâm có khá i ni m ú n g n v i u này, chúng ta ph i đ a trên s *kh o sát t vi nh n g khá i ni m t n g i trên n n t n g tính Không tuy t i* (H u Phân Bi t Di u Quán Sát Trí-有分別妙觀察智), có th th m nh i u này:

"Cái ó ch có th t chính mình nh n bi t ra thôi, không tùy thu c vào i u ki n nào c ,

Là m t th tuy t i t ch t nh, không t n t i khá i ni m t n g i c a ngôn n g (Hí Lu n),

Không có t n g quan đ bi t, c n g không có phân bi t đ bi t,
Nên g i ó là Chân Th c Tính." (TL18.9)

Trong thi t n g này (TL18.9), "*Ch có th t mình bi t*" có ngh a là: Không th đ a vào ai khác mà *bi t (Giác-Buddhi)* c c , t c là, không th truy n t thông qua b t k m t giáo hu n nào mà ch có th t tr c quan (*Giác-Buddhi*), *t mình hi u ra (Giác-Buddhi)* thôi. "*Th tuy t i t ch t nh*", có ngh a là: T t c m i s u thi u v n g b n th th c h u (T Tính) c a chúng, con n g i ta ch có th t duy v chúng nh là nh n g i t n g có

b n th th c h u v i nh ng thu c tính th c h u, tuy nhiên, t i v i b n th Chân Th c t i h u (m t b n th v n không có nh ng tính ch t t ng i thu c v nh ng i u ki n t o tác nh th), thì nh ng i t ng nh th không t n t i. "Không t n t i khái ni m t ng i c a ngôn ng (Hí Lu n)", có ngh a là: *Tính a chi u, tính t ng i và tính gi nh c a nh ng bi u hi n ngôn ng (v n c t o ra b i nh n th c t ng i có t nh ng i u ki n t ng i, c gi nh nh là nh ng th c h u, và ch có th nh n th c t ng ph n theo t ng kh a c nh c a th c t i v n a chi u), c ng không t n t i, chúng tri t tiêu trong b n th Chân Th c tuy t i tính. "Không có nh ng t ng quan đ bi t", có ngh a là: Không có nh ng khái ni m t ng i c a ngôn ng , vì c ng không có nh ng bi u t ng hay hình t ng hình thành nh ng khái ni m y, không có nh ng giá tr phán oán i ph n (úng-sai, th c-gi ...). Vì th mà c ng không có c "s phân bi t nh ng đ bi t" i ph n nh th , nên nên tính ch t c a v n h u hi n hi n ra nh nó v n nh th , nh là m t B n Th Chân Th c c a v n h u (Pháp Tính), m t b n th t i s và t i h u.*

m t b n th Chân Th c v t lên trên m i tính t ng i nh th , thì không có khe h nào cho nh ng khái ni m t ng i l t vào c, nên nó c ng không th l p lu n b ng lu n ch ng và lu n lý thông qua ngôn ng (Hí Lu n), cho nên nó "hoàn toàn t ch t nh"²². Vì *hoàn toàn t ch t nh*, nó ch c tr c nh n b i b i *cái bi t ã v t ra kh i nh ng khái ni m t ng i c a ngôn ng (Vô Phân Bi t Trí)*. Vì ch có th tr c nh n b i *cái bi t v t ra kh i* khái ni m ngôn ng , nó không u c nh n th c b i m t cách nào khác (qua con ng qui n p, di n d ch, ph nh, kh ng nh...) c, nó "không có nh ng t ng quan đ bi t" kh i d y lên do tác ng phán oán c a tâm th c, và do ó c ng không có luôn c chính tâm th c phán oán "phân bi t nh ng đ bi t". Vì th , b n th "Chân Th c Tính", là m t siêu vi t th ngoài t t c m i nh tính, nh l ng và nh h ng c a ngôn ng và t t ng.

V m t cái Chân Th c nh th , ng i ta không th thuy t minh hay thuy t gi i c. Giáo hu n c a Th Tôn, r ng v n h u v n không có t tính và t nó không kh i sinh, r ng ó ch là s n ph m c a ngôn ng và t t ng, và i l i, ây là cách siêu vi t ra kh i t m h n nh c a ngôn ng và t t ng, ây là Trí Tu chân th c. Tuy nhiên, giáo thuy t y c ng v n c c ngôn minh và ngôn thuy t thông qua con ng ngôn ng . ó ch nh là m t ph ng ti n ch h ng, còn chúng ta, m i ng i ph i "t chính mình nh n bi t ra" thôi. nh ngh a v cái Chân Th c y, v n không ph i là nh ngh a nh tính thu c v m t cái gì, nh là m t " i t ng", mà c ng ch là xác nh ý ngh a t n t i v n thu c v t m i ng i khám phá ra Nó (n u "nhìn ra"-Giác c Nó, thì nó có ngh a, n u không, thì vô ngh a). Ch trích cho r ng chúng ta là nh ng k ph báng, c ng th , ý ngh a c a "ph báng" ch có th có ngh a, khi nào t chính m i ng i (trong t t c m i ng i) ch a nhìn ra c b n th Chân Th c T i H u y (khi ch a hi u c Nó, thì dù có

nh nghĩa v Nó nh th nào hay không nh nghĩa v nó nh th nào, nói hay không nói, c ng u là "ph báng" c).

---o0o---

12. CHÂN LÝ QUI C VÀ M C NH C A TH GIAN (lokasa v tisatya)

Trên ây, ã "thuy t minh" v Th c T i T i H u, gi ây, chúng ta hã nói v chân lý có tính qui c c a th gian:

"N u m i t n t i u theo i u ki n t o tác (Duyên) kh i sinh ra,

Theo ó chúng không ng nh t, c ng không d bi t v i nhân tác t o ra chúng (Nhân)" (TL18.10ab)

Khi m t k t qu c kh i sinh ra t m t nguyên nhân, thì k t qu y không ng nh t v i nguyên nhân t o tác ra nó. C ng t c là, Qu c ng không h n là d bi t v i Nhân, (i u này có th l p thành m t lu n th c nh sau):

M nh ch tr ng: K t qu không h n là d bi t v i nguyên nhân.

Lu n c : B i vì, nó ch c nh n th c nh là m t cái khác i v i nh n th c.

T d : Ví d nh cái nh n th c c và i t ng c a nh n th c (thì không h n là hoàn toàn khác nhau, ph i có cái gì chung nh t gi a chúng).

M t khác, n u cho r ng chúng gi ng nhau, thì nguyên nhân và k t qu ng nh t v i nhau (A=A), thì không th nào Nhân sinh ra Qu hay Qu c sinh ra t Nhân c.

Tuy nhiên, chúng "c ng không d bi t v i Nhân tác t o ra chúng": Khi m t k t qu c n y sinh ra t m t nguyên nhân, thì nó c ng c nh n th c nh là m t cái không khác v i nguyên nhân t o ra nó. N u là m t cái khác v i nguyên nhân (thì gi a chúng hoàn toàn không có t ng quan), thì c ng không th nói là Nhân sinh ra Qu , hay qu c sinh ra t Nhân c:

M nh ch tr ng: K t qu không ph i là m t cái d bi t v i nguyên nhân.

Lu n c : B i vì, nó c sinh ra b i t ng quan Nhân-Qu .

T d : Ví d nh chính nguyên nhân t nó (ph i có t ng quan nào ó v i k t qu thì m i t o sinh ra k t qu c).

Trong ó lu n c " c sinh ra b i t ng quan Nhân-Qu " có ý nghĩa h n nh c bi t khác n a, r ng trong tr ng h p k t qu c sinh ra t nh ng nguyên nhân khác, thì s không d n n k t lu n c, nh ã có ph n lu n (r ng có th có nhi u nguyên nhân d n n cùng m t k t qu)²³.

câu c c a thi t ng 10 ("na canyad api tas tasmàt_k t qu không d bi t v i nguyên nhân t o tác, theo ó"), có t "theo ó" (tasmàt) ch nh câu này là lu n c c a câu k ti p:

"Thì chúng v n không t o n c ng không th ng h ng". (TL18.10c)

Th gian này t n t c trên c s c a m t dòng t ng quan Nhân-Qu , trong ó nguyên nhân di t i r i, k t qu c a nó xu t hi n. K t qu không ph i là m t cái khác v i nguyên nhân t o ra nó, k t qu c t o ra không m t i, cho dù nguyên nhân c a nó không còn; v l i, khi có k t qu thì nguyên nhân t o ra nó không còn n a, Qu ch t n t i khi Nhân không còn t n t i, vì th mà Nhân và Qu không ng nh t. Nh th , c hai u không th ng h ng. Bà Thánh Thiên (Àrya Deva) nói nh sau:

"M i cái c ti p t c kh i sinh ra, vì th nê không t o n. M i cái u ph i b ho i di t, vì thê nên không th ng h ng".

V l i, có ng i (tác gi t t mình ngòi th ba) nói: S v t sinh ra t nguyên nhân c a nó, nên không có t o n. Và, s v t u ho i di t, nên không th ng h ng". B i th :

"V n không t o n, c ng không th ng h ng,
Không ng nh t, c ng không đ bi t.

ó là chính cái v Cam l , mà ch Nh Lai ã hu n giáo". (TL18.11)

"V Cam l ", là t ng tr ng cho o qu Vô Sinh B t Di t (Amrita), ngh a là: Các v B Tát v i ph m cách và trí tu không th sâu th m không th l ng c, nh n *bi t* i u này, tinh c n vì l i ích c a t t c chúng sinh, cu i cùng i n ch giác ng hoàn toàn, thành t u Ph t o, l i hu n gi ng nh ánh sáng m t tr i t a kh p m i n i, em l i cho nh ng ng i may m n c nghe, khi n óa hoa sen giác ng c a h khai n ra. V l i, các v thanh v n, là nh ng ng i nghe c hu n giáo, tu t p và tâm ch ng c Ni t Bàn trong cõi th . ó là cái gi i tan m i au kh phi n não, nên g i là "Cam l ".

i v i nh ng ng i mà ph m cách và trí tu ch a c hoàn b , ch a th thành t u giác ng Gi i Thoát trong i này, thì h n c ng thành t u trong i sau. Nói nh Bà Thánh Thiên:

"Ng i ã nh n bi t c l Chân Th c, thì cho dù không thành t u c Ni t Bàn trong i này, thì cu c t n sinh k ti p s thành t u n gi n h n. C ng nh hành vi v y (l n này không làm c, thì l n sau s làm c m t cách n gi n)".

H n n a, trong tình tr ng:

"Dù ng Toàn Giác không còn t i th n a,

Các v ã t ng nghe l i Ph t gi ng (Thanh V n) c ng không còn n a," (TL18.12ab)

T c là: Cho dù khi không còn c h i còn c nghe hu n gi ng tr c ti p (qua chính kim kh u c a Th Tôn) hay gián ti p (qua nh ng truy n

ngôn họ c qua kinh i n) n a, thì ng i v n ã có tích t p nh ng tâm c v
Pháp Tính trong quá kh , thì v n c :

"Thì Trí Tu c a các v c Giác Ph t c ng n ng theo l ó (Pháp)
mà sinh ra, r i xa nh ng bi n bi t c a th gian" (TL18.12cd)

"R i xa" (Vi n Ly), có ngh a là: trong tr ng thái tâm th c ã v t qua c
nh ng h n nh trong cách nh n th c theo tính cách c a th gian, kh i u
cho m t siêu vi t kh i th gian tính, em l i Tu Giác cho các v c Giác
trong môi tr ng cô t nh.

Vì y u ngh a c a giáo hu n, nh v Cam l i v i ng i tu hành, là
cái em l i s t nh t i trong i này và trong nh ng i khác. Con ng i ta,
ch có th t mình nh n ra, theo chí h ng ó mà tu s a.

Tóm l i, ph m này (TL18) nói lên ý ngh a: Lo i b nh ng nh ki n
mà các h c ph i ch tr ng, ng th i, nói lên l p tr ng Trung Quán m t
cách rõ ràng r ng t t c nh ng gì có bi n i chuy n hóa u không ph i là
T Ngã và nh ng gì thu c v nó. Nh Kinh ã vi t:

"Này Svikrànta Vikràmi, nh ng i u ki n c u thành thân xác này và
th gi i này (S c) không ph i là Ngã, c ng không ph i là phi-Ngã, ng th i,
nh ng i u ki n th c m (Th), t ó nh ng bi u t ng hình thành (T ng)
nh ng nh ng tác vi phán oán c a tâm th c (Hành) và ý th c phân nh bi n
bi t (Th c), c ng u không ph i là Ngã, c ng không ph i là phi-Ngã. Nh n
ra i u này, thì ó là Trí Tu hoàn toàn". (Kinh Th ng Thiên V ng Bát Nhã
Ba La M t)

Và:

"Th gi i này v n không t n t i b n ngã, không t n t i cái h u tình
(cái có ý th c), không có tâm i m c a cu c s ng (T), không có ng i khác
và nh ng cái khác nh là ngo i vi c a tâm i m (Tha). T t c , u là t p h p
c a nh ng i u ki n, nên ta nói nh th ".

Và:

"Th gi i này không t n t i T ngã, không t n t i cái h u tình, t t c
chúng u ch là cái do Nhân t o tác mà kh i sinh".

Và:

"Này b n h i, thân xác này th c ra không có Ngã, không có cái h u
tình, nó không ph i là tâm i m giá tr c a cu c s ng, c ng không ph i là
tâm i m th m nh giá tr cho nh ng cái khác. T nó không ph i là m t
b n ngã c nh, c ng không ph i ch là nh ng cái khác, nó c ng ch a h là
cái th nh n c ng ch a h t o tác tích l y".

Nh ng ý ngh a c a Kinh i n này th m nh l i cho nh ng i u ã
lu n gi i trên.

ây là m t ph n trong tr tác c a lu n gi Thanh Bi n "Lu n Gi i èn
Bát Nhã_Gi i Thích C n B n Trung Lu n", ch ng 18 "Kh o Sát V T Ngã
Và i T ng C a Nó".

HẾT

¹T Ngã: **Ātman** 自我. Các h c phái khác nhau có nh ng quan ni m khác nhau v Ātman, theo ó có nhi u ý ngh a và nhi u cách d ch khác nhau: h c phái Vainshesika (Th ng Lu n) và h c phái Niyàya (Chính Lý) dùng ý ngh a nh T Ngã, h c phái Sàmkhya (S Lu n) quan ni m nh là Linh Ngã 靈我, hay Th n Ngã 神我, h c phái Vedanda quan ni m là Ngã, nh là cái "Tôi". Trong Ph t giáo nói chung, c dùng v i ý ngh a nh T Ngã, cái "Tôi", ôi khi c dùng v i ý ngh a nh Tâm Th c 心識, hay T K 自己

Ātmiya, Hán d ch: Ngã s 我所, cái thu c v T Ngã, thu c tính c a T Ngã.

²Tác Vi c a Nh n th c: **Samkàra**, Hán d ch: Hành 行, là m t trong n m y u t hình thành nên nh n th c con ng i (Ng m: S c, Th , T ng, Hành, Th c, xem ti p chú thích 3). Trong ó, Tác Vi là y u t ch ng nh t c a nh n th c trong v i c t o tác ra nh ng giá tr phán oán nh : úng-sai, thi n-ác, cái này-cái kia... ây là y u t óng vai trò quan tr ng nh t t o ra nh ng giá tr ch quan cho nh n th c trong t ng quan v i th gi i chung quanh, và kh i u cho nh ng quan ni m có nh h ng c a con ng i, t ó t o nên nh ng sai l ch (Vô Minh) trong nh n th c i v i th c t i. Vì v y nó tr thành c i m quan tr ng nh t, trung tâm i m cho m i lu n c c a Trung Quán.

Th c ra *Samkàra* (Cái làm ra, cái tác t o_Anh d ch: Doer) có ý ngh a g n v i Tác và Vi h n là v i Hành (hi n ra ngoài m t cách c th nh là "hành" ng). úng h n, Samkàra không ph i là "Hành ng" hay "Hành vi", mà có ý ngh a c n nguyên h n: C n nguyên c a hành vi, cái c t o tác ra t trong nh n th c con ng i, mà chính con ng i th ng không ý th c c nó (Vô Minh). Chính vì nh ng Samkàra-Tác Vi có tính t o tác c a nh n th c mà t o ra m t th gi i ch quan riêng theo nh h ng t o tác riêng c a con ng i: Samkrta (Hán d ch: H u Vi Pháp).

³N m i u Ki n Nh n Th c: Skandha hay Upàdàna-skandha, Hán d ch: U n hay m 陰, hay Th m 取陰. Skandha nguyên ngh a là "t p h p", "nhóm" g m có: 1 T n t i khách quan nh là m t ngu n nh ng tính ch t c a s v t: màu, s c, âm, thanh, v , mùi, c ng, m m...(Hán d ch: g i chung là "S c" th ng i chung v i "Tr n": t n t i khách quan c a th gi i), 2 C m th c a giác quan (Th): thu c m t, tai, m i, lu i... th nh n nh ng tính ch t trên, 3 Nh ng khái ni m hay bi u t ng v s v t (T ng), nh là nh ng b n sao, b n in, c a s v t, 4 Tác Vi c a tâm th c (xem chú thích 2), 5 Th c bi t (Th c): ý th c ra s khác nhau c a s v t. N m y u t này "t p h p" (skandha) l i hình thành m t không gian thu c nh n th c c a con ng i. Khái ni m này v n ã có t Ph t giáo Nguyên th y, gi i thích m i quan h gi a Thân, Tâm con ng i trong t ng quan v i th gi i chung quanh.

⁴Bi u Tr ng: hay Bi u Tr ng Lu n pháp-Upalaksana (Synecdoche), m t ngôn pháp ch dùng m t, hai m nh t ng tr ng bi u hi n t t c t ng quan có th suy đi n ra c

⁵C u trúc lu n lý: là c u trúc lu n lý c cách tân b i Tr n Na thành m t hình th c lu n lý h c c a Ph t giáo n , g m ba m nh : 1. M nh ch tr ng: là m nh qui k t trên s th c nh là m t ch suy lu n, 2. M nh th hai nêu ra lu n c (n ng ch ng) rút ra t tính t t nhiên t ch c a m nh ch tr ng, trong ó, ch t th ng c nh c l i m t cách gi n l c, hay m c nh. 3. M nh th ba là t d c th , di n d ch v i nh ng cái cùng chung tính ch t, qua ó cho th y nh ng tính ch t làm nên lu n c t m nh th hai, là thu c t (s ch ng) ph i có t t nhiên trong ch t c a m nh ch tr ng. ng th i c ng qua t d , b ng lo i suy ph nh nh ng gì không n m trong tính ch t c a m nh ch tr ng. Trong c u trúc lu n lý c a

Tr n Na, thì nh ng t đ c a m nh th ba không n thu n là nh ng ví d , mà nó bao hàm tính t t c c ng i u hóa gi a s ch ng và n ng ch ng

⁶H c phái S Lu n (Sāmkhya) ch tr ng nh nguyên lu n v i nh ng Th c Th T i S (Prakrti hay Pradhāna) ti p xúc v i Linh Ngã (靈我 Purusa), t o nên nh ng chuy n bi n cho Linh Ngã, t ó ng hi n nên nh ng đ ng t ng c th khác nhau v : Trí n ng-Buddhi, Ý-Manas, Ý Th c T Ngã -Ahamkāra, i u Ki n Nh n Th c-Skandha... S ng hi n-Vyakta là k t qu sau cùng hình thành cái- c- ng-hi n-ra, Vyakti. Nh ng Th c Th T i S v ng m có ba lo i tr ng thái quân bình v i nhau: Ch t Thu n Nh t, Ch t Kích Ho t và Ch t U T i. Tính quân bình gi a ba y u t này b phá v khi ti p xúc t ng tác v i nh ng Linh Ngã, t o ra thiên hình v n tr ng c a t n sinh. Trung tâm i m c a lu n ch ng này là Linh Ngã, r ng th gi i này t n t i vì Linh Ngã, là i m qui k t c a v n h u. Quan ni m này có nh ng t ng ng v i Platon v i h c thuy t v Idea (Th Gi i Hoàn H o và Lý T ng), linh h n, và s phân h u (ng hi n) cho nh ng t n t i cá bi t. C hai quan ni m u c g ng a ra nguyên nhân và c u cánh c a t t e m i t n t i. i m khác bi t là Platon, c u cánh mà ông h ng t i là cái Chân Tri (Epistheme) thu c v lãnh v c tri th c c a con ng i, trong lúc tra v n Th c t i. Platon c ng không h t c s trên cái Kh , tìm c u Gi i thoát nh là v n c t l o i nh Ph t giáo.

⁷H c phái Th ng Lu n (Vainshesika): Quan ni m r ng T Ngã và Tâm v n là hai th c th khác nhau, và Nh n th c ch là thu c tính c a T Ngã. Theo ó, T Ngã t nó và Tâm và Nh n th c u là nh ng cái khác bi t nhau.

⁸Ph ng h ng (nh là m t th c th c a Ngã): H c phái Th ng Lu n ch tr ng: t, n c, gió, l a, ph ng h ng, th i gian, không gian, T ngã, u là nh ng th c th v n th ng h ng. Khi b n th c th t, n c, gió, l a t p h p l i hình thành nh ng cá th t n t i nh là s ph i h p t m th i c a chúng, nên nh ng t n t i này không th ng h ng (vô th ng). Tuy nhiên, nh ng th c th nh t, n c, gió, l a, ph ng h ng, th i gian, không gian, T ngã, nh là nh ng th c th c b n, là nh ng cái gì v n không có gi i h n, là nh ng cái th ng h ng b t bi n.

⁹T th (cái làm cho nó là nó): "Cái t nó t n t i", **svo bhāvah**, "th c a nó", **ātmiyam rūpam** cái làm cho nó t n t i nh là nó.

¹⁰Th c t i mà ngôn ng nói n: **padārtha**, Hán d ch: Cú Ngh a-句議(t này ch có tính cách c l và không chu n ngh a), Cái làm ý ngh a cho khái ni m ngôn ng , th c t i mà nguyên t ó hình thành bi u t ng v nó nh là khái ni m ngôn ng , hay nói cách khác: nguyên b n t n t i trong th c t mà khái ni m ngôn ng sao chép l i. V m t ý ngh a lu n (semantics) thì padhāta không khác v i khái ni m "thing-itself" c a tri th c tây ph ng: m t t n t i (khách quan) *nh nó là th bên ngoài ý chí và t duy c a con ng i*, nh ng khái ni m v nó mà ng i ta có th có c trong nh n th c và ngôn ng , ch là nh ng bi u t ng mô ph ng v nó, ch không ph i nó.

¹¹"Chính mình": nguyên ngh a c a Àtman: T Ngã, cái "tôi".

¹²cái bình, th c ra trong m t cách nào ó, c ng t n t i t ngã: h c phái Th ng Lu n và h c phái Chính Lý quan ni m r ng t, n c, gió, l a... là nh ng th c th c b n và có tính ch t th ng h ng, không có gi i h n c ng nh T ngã. Theo ó, m t v t th vô tri nh cái bình i n a c ng t n t i nh ng tính ch t c a T ngã. Khi cái bình b h y ho i thì nh ng y u t c u thành nó (t, n c, gió, l a) rã ra, và m t lúc nào ó l i t l i thành ra nh ng s v t khác, trong ó có con ng i v i T ngã. H c phái S Lu n, thì quan ni m r ng t t c m i v t ch t u t n t i vì T ngã, nh là i m n c a chúng. Theo ó thì ngay c nh ng s v t vô tri nh cái bình, c ng c xem là m t ph n trong t i n trình c a T ngã. Nh ng quan ni m này có th c xem nh d u n c a n giáo lên Ph t giáo, và c ng là quan ni m khá ph bi n Á châu nói chung (Trung hoa, Vi t nam, Nh t b n...).

¹³Ch tr ng-lu n c -t đ -liên k t lý lu n và qui k t: là n m m nh (chi phân) c a suy lu n th c c các h c phái s đ ng. V sau Tr n Na cho là hai m nh cu i c a suy lu n th c này là th a, nên ã b i, vì ch c n m nh t đ c s dung nh là c s th c ch ng cho ch tr ng và lu n c , là ã k t lu n. Ông ra suy lu n th c v i ba m nh (Ch tr ng-lu n c -t đ) n gi n và súc tích h n, nh ng c n và nh ng i u ki n lu n lý phán m t cách hi n nhiên và th a áng cho m i tr ng h p. Suy lu n th c c a Tr n Na c xem là c u trúc hoàn

chính của luận lý học này, đây Thanh Bìn đã nói rõ lập luận suy luận kiểu của các học phái khác.

¹⁴Vết thính (ontische): Trong trình bày này, có lẽ cần thì phải hiểu theo cách phân biệt của M. Heidegger về Tồn tại thính (Ontologische) và Vết Thính (Ontische). Mặc dù có một số khác biệt trong cách sử dụng những khái niệm giữa Đông và Tây, tuy nhiên, vẫn có thể tìm thấy những giao thoa giữa hai dòng văn hóa và triết học nhìn nhận những hiện tượng chung nhất. "Những quan niệm thế gian" mà Thanh Bìn đang nói về với tính cách này là một ít những căn bản của luận thông tin về những phẩm trừu tượng, với tính cách triết luận như nguyên, thì triết luận không khác gì lắm so với những quan niệm của châu Âu về "sự vật-things". Một khác biệt mà Thanh Bìn đang nói tới là "T Ngã-cái Tôi" đây, cũng chẳng có gì chênh lệch lắm nếu thay thế này bằng cái "Cogito ergo sum" của Descartes. Có lẽ sự thật đáng nói, nếu chúng ta hiểu cái "Quan niệm của Thế gian" theo cách này của chúng ta với ý nghĩa rằng nó là "Vết thính" (Ontische)

¹⁵Căn nguyên tính: Theo quan niệm chung của học phái S Luận, thì "căn nguyên tính" gồm: 1. Tri giác, 2. T -ý thức, 3. Tri giác. Bên cạnh đó, "căn nguyên tính" bao gồm: 1. Căn giác, 2. Hành vi.

¹⁶Những tính chuyển tiếp phi-vật chất: Theo quan niệm tính trong Phật giáo Nguyên thủy, thì căn nguyên tính có cấu trúc được chia ra thành bốn loại (T Sinh): 1. Noãn sinh: những loài sinh ra từ trứng như loài bò sát, loài chim..., 2. Thai sinh: những loài sinh ra từ bào thai do sự kết hợp giữa tính, như các động vật thú, người..., 3. Thụ sinh: những loài sinh ra từ mầm giống như những vi sinh vật, những loài trùng..., 4. Hóa sinh: những loài không sinh ra từ những yếu tố vật chất như ba loài trên, cũng xem như là trung gian chuyển tiếp cho những kiếp sống. Sự phân loại này dựa trên căn cứ của quan niệm Luân Hồi vẫn có trong những giáo điển, riêng sự sống và tính liên tục sau cái chết của mỗi cá thể, qua đó những tính chuyển tiếp phi-vật chất gì của những kiếp sống (Hóa sinh), cũng xem như là những trung gian. Những thế, cùng với quan niệm liên tục của Luân Hồi là một thế giới quan đạt đến trình độ cao, qua đó cấu trúc tính liên tục trong những quan Nhân Quả, với cái Thiệt như là một yếu tố hình thành và cái Ác như là một yếu tố hình thành. Thiệt và Ác cũng liên tục hình thành những thang bậc khác nhau cho các kiếp sống, một tiến hóa luận theo quan niệm của Phật Giáo.

¹⁷Trích dẫn từ **Haribhadra, Saddarsanasamuccaya** "Lược Phái Triết Học Căn Nguyên Y Sáu phái triết học纲要", có nguyên văn Phạn ngữ v.81,82, trong đó có những khác biệt trong cách giải thích những kiến giải của phái Duy Khôái-Lokāyānīka. Đây dựa theo trích dẫn trong nguyên văn của Quán Thế 觀誓-Avalokītavrata.

¹⁸Ch này dựa theo bản tiếng Nhật. Bản Hán của Cù Ma La Thập là:

"Trong cái Chân-Thật-Nh -Là-Thực,
Tuyệt những Tác vi (Hành) của tâm thức, các khái niệm ngôn ngữ, sự bắt đầu tuy vậy,
Không có Sinh Khởi, cũng không có Hoại Diệt,

đó là một thực tại tuyệt đối của Sinh-Diệt, hoàn toàn bất biến, như Niết Bàn".

諸法實相者 諸 pháp thực tướng giả

心行言語斷 Tâm hành ngôn ngữ đoạn

無生亦無滅 Vô sinh diệc vô diệt

寂滅如涅槃 Tịch diệt như Niết Bàn

¹⁹Cuốn luận lý: Khác với cách thì triết luận luận lý một cách nghiêm túc bởi suy luận theo Trần Na (mệnh chơn, luận, đức, đạo) phần bác giải thì, trong phần 8 này, có vẻ như Thanh Bìn đang đưa ra những luận lý về mặt triết học kín đáo, hoặc giả như ông đang đi vào một trào lưu chính tinh thần ham mê luận lý vậy. Đây, ông lập luận câu của thì triết luận 7 Trung Luận, dùng câu này làm luận cứ chứng minh cho câu kia và ngược lại, và ông cũng thế mà dựa vào luận lý để luận quẩn vòng. Thoạt nhìn, chúng ta có thể thấy rằng, bất luận những triết luận về bản chất của luận lý như ông (đã bị hiểu qua những phần trước, với những luận lý rất sắc bén và nghiêm túc), lý do về những phần vào mặt lập luận triết luận là "những

Nghĩa Phenomenon (quay trở lại ý nghĩa của nó, và luận cứ nghĩa nhau: A=A, thì không thành lập luận lý). Tuy nhiên, nhìn kỹ hơn thì chúng ta phải ngạc nhiên vì một số thứ khác, rằng ông đang sử dụng luận lý vì một thứ pháp linh hoạt hơn nữa, không phải là tính toán, mà vì chính cái bản thể của chính luận lý triết học Tịch sau cùng, bên ngoài các lý tính. Đây, ông sử dụng chính cái hình thức của luận lý và tính toán của khái niệm ngôn ngữ, để chúng ta đi lòng vòng, nhìn ngắm những khía cạnh khác nhau của Tịch Tịch nguyên sơ *"Nó đó, là nhữn (Tat tvam asi)"* và không hình thành và không có những hình thức, cũng không có con luận lý và thứ gì nào có thể dẫn đến *"Nó đó"*. Ông chấp tay đi lòng vòng, đi ra chính bản thể của mình. Đó cũng chính là bản thể của chính luận lý và thứ gì, thứ nó đi ra chính cái lòng vòng luận cứ của khái niệm ngôn ngữ và thứ gì, mà Thanh Bìn là người dẫn chúng ta đi nghỉ ngơi cùng với nó, cũng xem cái chuyện luận cứ của nó. Chỉ khi chúng ta ngạc nhiên hơn nữa, là cái thứ pháp ông đang dùng là chính khác gì cái mà ngày nay chúng ta gọi là "thứ pháp hiện tượng luận" (phenomenological method), cái vẫn còn mãi mãi đi với chúng ta. Nhưng đánh giá Thanh Bìn như là một nhà luận lý kỹ thuật chuyên môn dùng luận lý pháp thì không hình thành, thì có lẽ chúng ta đã đánh giá thấp ông một phần, cái Tịch Luận Pháp do ông sáng tạo ra không phải chỉ như thế. (Xem tiếp phần 9, và chú thích 21 có thể thấy rõ hơn thứ pháp của Thanh Bìn)

²⁰"*Giờ nhớ lại nó*": Đây chúng ta lại thấy Thanh Bìn quay trở lại luận cứ bằng suy luận theo hình thức của Trần Na (mệnh đề, luận cứ, thể), nhưng trong đó có những cái mà Trần Na không có, mà chỉ Thanh Bìn mới có. Đó là: là sử dụng chính luận cứ bằng chính mình cho luận cứ, thể là, sử dụng chính luận cứ (b. "Vì chúng ta là những triết gia") làm thể (c. "Ví dụ như triết gia giờ nhớ lại nó") minh chứng và quyết định. Trần Hưng này không thể là ông nghĩa phenonomenon, vì ý nghĩa của luận cứ đã phân tích ra thành một yếu tố mâu thuẫn nội tại, qua đó làm lại bản chất của vấn đề chấp tay và sử dụng chính nó minh chứng. Đây là điểm của Tịch Luận Chứng Pháp (Satantrika) luận cứ dựa trên chính nó minh chứng, bởi tính cách thể minh (evidence) của nó. Thể minh tính (evidence) cũng rút ra từ sự kết hợp giữa mệnh luận lý (logical propositions) và mệnh phân tích (analytical propositions), qua đó, phần hình thành thông qua tính cách mâu thuẫn nội hàm trong chấp tay, chính phân tích nó ra minh chứng cho chính nó, chính không cần một thể minh chứng khác thể minh chứng cho luận lý. Thế ra, trong suy luận theo thể của Thanh Bìn, không có phần thể minh chứng, mà chỉ có kết quả phân tích đi ra minh chứng. Vì vậy, Thanh Bìn đã nâng luận lý học của Trần Na lên một cái gì khác, cái gì cũng của luận lý, luận lý thể minh chứng cho chính nó.

²¹"Nếu có thể bị hiểu nhầm tính chất chấp tay của cái Chân Thể, bằng ngôn ngữ, thì vì cái thể minh chứng phải thu được nó ra, là đúng. Tuy nhiên, đó không phải là cái có thể bị hiểu nhầm, bằng ngôn ngữ": Ở đây, trong khi chúng ta phải liên tưởng đến một câu khác của Wittgenstein "Con người ta, vì vì những câu trả lời không thể bằng ngôn ngữ, thì câu hỏi cũng không thể bằng ngôn ngữ. Những câu bí ẩn hơn nữa không thể gì, thì không tồn tại. Phàm, nếu có thể thì thể minh chứng câu hỏi, thì cũng có thể trả lời câu hỏi đó." (Luận khảo Luận Lý-Triết học 6.5). Đây, câu trả lời của Thanh Bìn về cái "Không phải là cái có thể bị hiểu nhầm bằng ngôn ngữ" dựa trên một sự khác, cũng bằng ngôn ngữ: "sự khảo sát về những khái niệm thể minh chứng trên những tính Không tùy tiện (Hư Phân Biệt Diêu Quán Sát Trí-有分別妙觀察智)". Nội dung này của Trung Luận nói chung, không ngoài mục tiêu vạch ra một thể minh chứng nghỉ ngơi nghỉ ngơi "cái mà người ta có thể thể minh chứng" và "cái mà người ta không thể thể minh chứng", có thể nói theo cách của Wittgenstein: "có thể về cái thể minh chứng nghỉ ngơi, thì chúng ta cũng bắt đầu tìm cho ra hai mệnh đề gì khác nhau mà chúng ta có thể thể minh chứng thể minh chứng (ví dụ: chúng ta cũng bắt đầu có thể không thể minh chứng thể minh chứng - thể minh chứng - thể minh chứng)." (Luận khảo Luận Lý-Triết học, Khai tay).

²²"Hoàn toàn thể minh chứng": Luận lý luận, chúng ta lại thấy Thanh Bìn sử dụng Tịch Luận Chứng Pháp của ông để dẫn chúng ta đi xuôi, rồi ngược, rồi vào, rồi ra. Luận lý (logic) đây chính đóng vai trò dẫn dắt của hành động viên du lịch, hay những ký hiệu giao thông khi đi bộ! Bởi vì trong một bản thể tùy tiện thể minh chứng, thì không còn một hình thức và tính chất nào nữa, con

ng i ta không còn m t i m t a nào đ a vào n a, c ng không có nh ng cái m c theo ó mà suy ra nh ng cái khác. "Hoàn toàn t ch t nh" thì c ng có ngh a là "hoàn toàn t ch liêu": i di n v i m t cái Chân Th c tuy t i và vô h n, thì c ng chính là i di n v i m t cái cô n t ch m ch vô cùng t n, ch ng còn "Cái Gi" mà c ng ch ng còn "Ai" là ch th , mà có th chia s v i "Ai" khách th n a, cái "Vô H n" ng nh t trong ngh a "v ng l ng t ch liêu vô h n" _ ó, i vào r i, thì ph i bi t cách i ra, i xuôi thì c ng ph i bi t cách i ng c, quay tr l i l i c , n u không thì con ng i ta không th quay l i cái nhân sinh t ng i này c n a. i v i cái "ngõ c t c a Vô H n" trên bình đi n ngôn ng này, Ph t giáo i Th a ph i n l c m ra m t l i thoát riêng cho mình, c ng trên bình đi n ngôn ng (vì ngoài ngôn ng ra, con ng i ta không còn có con ng nào khác " nói v Nó" n a): Pháp Tính, c ng chính là V t Tính, ph nh c ng chính là kh ng nh, và, chính cái nhân sinh a tr c này c ng chính là Gi i Thoát, không có Ni t Bàn nh là m t th c th bi t l p, t n t i bên ngoài nh ng cái mà chúng ta "ngh " _c ng t c là cái gây ra phi n não. ây c ng chính là y u ch c a Trung Quán và c a i Th a nói chung. kinh i n Ph t giáo nguyên th y, không ph i là không có nói nh ng i u t ng t , tuy nhiên, nh ng ý ngh a này ch c c p trong c s Giáo lý n n t ng nói chung. Nh ng thông i p mang tích cách ph n ph c này ch phát tri n trên c s lu n lý c a i Th a, khi mà lu n lý h c c phát tri n nh là m t ph ng pháp lu n th m nh l i ý ngh a c a kinh i n.

²³Nh ã có ph n lu n r ng có th có nhi u nguyên nhân đ n n cùng m t k t qu : theo ví d trong chú gi i c a Quán Th -觀誓-Avalokitavrata, c ng nh tr n l n m t h t gi ng lúa t vào trong nh ng h t gi ng lúa m ch, r i gieo chúng lên cánh ng: nh v y cho dù nh ng m m lúa t và m m lúa m ch cùng m c chung v i nhau, nh ng không th nói là chúng không có t ng quan nhân qu , c ng không th nói là h t gi ng lúa t sinh ra m m lúa m ch (có nh ng nguyên nhân khác nhau sinh ra cùng m t k t qu) c.